

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài
- Mã chứng khoán: NCS
- Địa chỉ trụ sở chính: Sân bay quốc tế Nội Bài- xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 884 0289; 0243 886 5577 Fax: 0243 884 0199

II. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài xin công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán gồm: Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Để biết thêm chi tiết về nội dung tài liệu kèm theo Biên bản, Nghị quyết họp, kính đề nghị Quý đơn vị truy cập vào website của Công ty tại địa chỉ:

www.noibaicatering.com.vn (mục Quan hệ nhà đầu tư/Công bố thông tin)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Tài liệu kèm theo: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Văn Dũng

BIÊN BẢN

Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài;
- Địa chỉ trụ sở chính: Sân bay quốc tế Nội Bài- xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;
- Điện thoại liên hệ: 024 38840289/ 024 38865577;
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0101509403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/7/2004, thay đổi lần thứ 22 ngày 08/7/2021.

Hôm nay, vào hồi 09h00 ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài (Sân bay quốc tế Nội Bài- xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội) đã diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty.

Thành phần dự họp:

- Các cổ đông và người đại diện được ủy quyền;
Tổng số cổ đông/đại diện cổ đông dự họp: 07 cổ đông sở hữu: 13.510.847 cổ phần, tương ứng 13.510.847 phiếu có quyền biểu quyết đạt tỷ lệ 75 % tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
(Chi tiết tại danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)
- Thành viên Hội đồng quản trị;
- Thành viên Ban Kiểm soát;
- Ban lãnh đạo Công ty;
- Chủ tịch BCH Công đoàn cơ sở;
- Các cán bộ phòng;

Chủ tọa: Ông Ngô Hồng Minh - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Nội dung cuộc họp:

- Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023;
- Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;
- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị;
- Thông qua Tờ trình ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan;
- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;
- Thông qua việc chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát;
- Thông qua kết quả bầu cử HĐQT, BKS;

I. THỦ TỤC TIẾN HÀNH CUỘC HỌP

1. Bầu Thư ký đại hội, Ban Kiểm phiếu và Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

Chủ toạ đề cử số lượng và nhân sự Thư ký gồm:

1. Bà Phí Thị Thu Anh - Thư ký Công ty

Kết quả biểu quyết: Thông qua số lượng và nhân sự Thư ký đại hội theo đề cử của Chủ toạ

Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp: 13.510.847 phiếu, trong đó:

- + Tổng số phiếu hợp lệ: 13.510.847 phiếu, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu tán thành: 13.510.847 phiếu, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

Chủ toạ đề cử số lượng và nhân sự Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm:

1. Ông Vũ Mạnh Phú - Thành viên Ban Kiểm soát - Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Quỳnh Hương - Phó Trưởng phòng HCTH - Thành viên
3. Bà Nguyễn Thùy Linh - Chuyên viên - Thành viên

Kết quả biểu quyết: Thông qua số lượng và nhân sự Ban Kiểm tra tư cách cổ đông theo đề cử của Chủ toạ

Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp: 13.510.847 phiếu, trong đó:

- + Tổng số phiếu hợp lệ: 13.510.847 phiếu, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu tán thành: 13.510.847 phiếu, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

Chủ toạ đề cử số lượng và nhân sự Ban Kiểm phiếu gồm:

1. Ông Vũ Mạnh Phú - Thành viên Ban Kiểm soát - Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Quỳnh Hương - Phó Trưởng phòng HCTH - Thành viên

3. Bà Nguyễn Thùy Linh - Chuyên viên - Thành viên

Kết quả biểu quyết: Thông qua số lượng và nhân sự Ban Kiểm phiếu theo đề cử của Chủ tọa.

Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp: 13.510.847 phiếu, trong đó:

- + Tổng số phiếu hợp lệ: 13.510.847 phiếu, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu tán thành: 13.510.847 phiếu, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

2. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông

Thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, ông Vũ Mạnh Phú công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông để Đại hội xem xét thông qua.

Kết quả biểu quyết: Thông qua kết quả kiểm tra tư cách cổ đông do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông trình bày.

Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp: 13.510.847 phiếu, trong đó:

- + Tổng số phiếu hợp lệ: 13.510.847 phiếu, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu tán thành: 13.510.847 phiếu, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

II. DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

1. Thông qua Chương trình làm việc

Chủ tọa trình bày Chương trình làm việc

Kết quả biểu quyết: Thống nhất thông qua chương trình làm việc đã được Chủ tọa trình bày.

Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp: 13.510.847 phiếu, trong đó:

- + Tổng số phiếu hợp lệ: 13.510.847 phiếu, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- + Tổng số phiếu tán thành: 13.510.847 phiếu, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

2. Thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Chủ tọa trình bày Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 để Đại hội xem xét thông qua.

Kết quả biểu quyết: Thông qua Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp: 13.510.847 phiếu, trong đó:

- + Tổng số phiếu hợp lệ: 13.510.847 phiếu, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu tán thành: 13.510.847 phiếu, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

3. Các nội dung được trình Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị đã trình ĐHĐCĐ những nội dung sau:

- 1.1. Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023;
- 1.2. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;
- 1.3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị;
- 1.4. Thông qua Tờ trình ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan;
- 1.5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;
- 1.6. Thông qua việc chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- 1.7. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát;
- 1.8. Thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS;

4. Các ý kiến thảo luận

- Không có ý kiến thảo luận.
- Các cổ đông nhất trí với những nội dung trình thông qua tại Đại hội.

5. Biểu quyết

Đại hội đã tiến hành biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp với kết quả như sau:

STT	Nội dung biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết	Số phiếu hợp lệ		Số phiếu không hợp lệ		Số phiếu tán thành		Số phiếu không tán thành		Số phiếu Không có ý kiến	
			Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023	13.508.847	13.508.847	100	0	0	13.508.847	100	0	0	0	0
2	Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024	13.508.847	13.508.847	100	0	0	13.508.847	100	0	0	0	0
3	Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị	13.508.847	13.508.847	100	0	0	13.508.847	100	0	0	0	0
4	Thông qua Tờ trình ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và Người có liên quan	2.402.225	2.402.225	100	0	0	2.402.225	100	0	0	0	0
5	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán	13.508.847	13.508.847	100	0	0	13.508.847	100	0	0	0	0
6	Thông qua việc chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	13.508.847	13.508.847	100	0	0	13.508.847	100	0	0	0	0
7	Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát	13.508.847	13.508.847	100	0	0	13.508.847	100	0	0	0	0
8	Thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS	13.508.847	13.508.847	100	0	0	13.508.847	100	0	0	0	0

6. Trưởng Ban Kiểm phiếu trình bày Biên bản kiểm phiếu biểu quyết của cuộc họp để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua

Kết quả biểu quyết: Thông qua Biên bản kiểm phiếu biểu quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp: 13.508.847 phiếu, trong đó:

- + Tổng số phiếu hợp lệ: 13.508.847 phiếu, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu tán thành: 13.508.847 phiếu, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

7. Các quyết định đã được thông qua

7.1. Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Diễn giải	Năm 2022	Năm 2023		TH 2023/ TH 2022	TH 2023/ KH 2023
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	Suất ăn (suất)	8.886.333	10.249.655	10.420.646	117%	102%
2	Chuyến bay (chuyên)	33.397	39.204	38.485	115%	98%
3	Doanh thu (tr.đ)	413.912	605.389	617.939	149%	102%
4	Chi phí (tr.đ)	408.608	569.896	571.755	140%	100%
5	Lợi nhuận trước thuế (tr.đ)	5.304	35.493	46.184	871%	130%
6	Đầu tư (GTGN)	309	13.460	0		
7	Quỹ lương (tr.đ)	88.397	120.401	131.132	148%	109%
8	Lao động (người)	640	752	744	116%	99%

Đạt 100% tỷ lệ phiếu có quyền biểu quyết thông qua

7.2. Ghi nhận Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Chuyến bay: 41.251 chuyến, tăng 7% so với thực hiện 2023;
- Suất ăn: 11.954.605 suất ăn, tăng 15% so với thực hiện 2023;
- Tổng doanh thu: 706,25 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2023;
- Tổng Chi phí: 654,34 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2023;

- Lợi nhuận trước thuế: 51,9 tỷ đồng, tăng 12% so với thực hiện 2023;
- Tổng quỹ lương: 139,84 tỷ đồng, tăng 7% so với thực hiện 2023;
- Lao động bình quân: 787 người, tăng 6% so với thực hiện 2023;
- Về kế hoạch đầu tư:
 - Tổng mức đầu tư: 32.85 tỷ đồng, trong đó: đầu tư chuyên tiếp trang thiết bị lẻ: 9,6 tỷ đồng (14 danh mục), đầu tư mới năm 2024 là: 23,25 tỷ đồng (bao gồm đầu tư các trang thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh - gồm 28 danh mục đầu tư trang thiết bị lẻ;
 - Khối lượng hoàn thành: 20,69 tỷ đồng; Giải ngân: 24,34 tỷ đồng;
 - Tiến độ triển khai: sau khi ĐHCĐ phê duyệt kế hoạch SXKD, Công ty sẽ tổ chức triển khai thực hiện.

Ủy quyền cho HĐQT Công ty rà soát, điều chỉnh lại kế hoạch SXKD khi thị trường có những biến động bất thường, ảnh hưởng tới kết quả SXKD; đảm bảo việc điều hành các nguồn lực và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tế và thông báo cho các cổ đông kết quả thực hiện (nếu có).

Đạt 100% tỷ lệ phiếu có quyền biểu quyết thông qua

7.3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị:

Đạt 100% tỷ lệ phiếu có quyền biểu quyết thông qua

7.4. Thông qua việc ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và Tổng Công ty hàng không Việt Nam - CTCP, uỷ quyền Hội đồng quản trị Công ty:

- Thực hiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan theo quy định nội bộ và pháp luật hiện hành.

- Căn cứ vào phê duyệt của Tổng Công ty hàng không Việt Nam - CTCP về việc mua sắm/ký kết hợp đồng với NCS và giá trị hợp đồng/giao dịch để chỉ đạo Công ty triển khai các thủ tục theo quy định, báo cáo kết quả thực hiện sau khi hoàn thành.

Đạt 100% tỷ lệ phiếu có quyền biểu quyết thông qua

7.5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán:

Đạt 100% tỷ lệ phiếu có quyền biểu quyết thông qua

7.6. Thông qua mức chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS Công ty năm 2023:

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 9,12 triệu đồng/tháng;

- Thù lao TV HĐQT: 7,68 triệu đồng/tháng;

- Thù lao TV Ban kiểm soát: 6,48 triệu đồng/tháng;

- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 52,5 triệu đồng/tháng.

Thông qua phương án trả lương, thù lao năm 2024 cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

Thông qua phương án trả lương, thù lao năm 2024 cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

STT	Chức danh HĐQT/BKS	Tiền lương người/tháng (VNĐ)	Thù lao /người/tháng (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT		12.000.000
2	Thành viên HĐQT		9.600.000
3	Trưởng BKS	46.300.000	
4	Thành viên BKS		7.200.000
	Tổng cộng cả năm	555.600.000	662.400.000

Đạt 100% tỷ lệ phiếu có quyền biểu quyết thông qua

7.7. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát:

Đạt 100% tỷ lệ phiếu có quyền biểu quyết thông qua

7.8. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

Thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

Chủ tọa trình bày Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát để Đại hội xem xét thông qua.

Kết quả biểu quyết: Thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp: 13.508.847 phiếu, trong đó:

- + Tổng số phiếu hợp lệ: 13.508.847 phiếu, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu tán thành: 13.508.847 phiếu, đạt 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, bằng 0% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029, cụ thể:

Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với bà Nguyễn Đức Hạnh;

Bổ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Ngô Hồng Minh, ông Nguyễn Văn Hùng Cường, ông Trần Việt Hải;

Bổ nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát đối với ông Lê Hoàng Chính, ông Nguyễn Thế Thạch;

Đạt 100% tỷ lệ phiếu có quyền biểu quyết thông qua.

III. KẾT THÚC CUỘC HỌP

1. Thông qua Biên bản, Nghị quyết cuộc họp

- Bà Phí Thị Thu Anh - Thư ký đại hội trình bày dự thảo Biên bản/Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết nhất trí thông qua nội dung Biên bản, Nghị quyết cuộc họp với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết tham dự cuộc họp.

2. Bế mạc cuộc họp

Cuộc họp kết thúc vào lúc 10h55 cùng ngày.

Biên bản này gồm 9 trang và các Phụ lục, được lập thành 01 bản và sẽ được gửi tới các cổ đông theo quy định của pháp luật.



Ngô Hồng Minh

THƯ KÝ

Phí Thị Thu Anh



PHỤ LỤC

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG, ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG

ĐỊU HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
(đính kèm theo Biên bản họp số 04/BB-NCS-ĐHĐCD ngày 24/4/2024)

STT	Cổ đông, đại diện cổ đông	Số ĐKSH	Số cổ phần	Ký tên
1	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam- CTCP			
	Ông Ngô Hồng Minh	100107518	4.800.270	
	Ông Nguyễn Văn Dũng	100107518	3.600.202	
	Ông Trần Việt Hải	100107518	2.400.135	
2	Công ty TNHH MTV Suất ăn hàng không Việt Nam			
	Ông Hoàng Xuân Hiệp	41104100019	306.015	
3	Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất			
	Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	VSD10301123125	1.800.100	
4	Cổ đông khác			
	Bà Phí Thị Thu Anh (đại diện nhóm cổ đông, có giấy ủy quyền kèm theo)		602.125	
	Lê Thị Quỳnh Nga (đồng dự kiến không tham gia bầu quyết)	026188004126	2.000	
A	Tổng cộng số CP tham dự họp		13.510.847	
B	Tổng số CP có quyền biểu quyết		17.948.210	
	Tỷ lệ tham dự (%): A/B		75%	

NGHỊ QUYẾT
(Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài;
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/4/2024;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 như sau:

1.1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu chính như sau:
Đơn vị: triệu đồng

TT	Diễn giải	Năm 2022	Năm 2023		TH 2023/ TH 2022	TH 2023/ KH 2023
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	Suất ăn (suất)	8.886.333	10.249.655	10.420.646	117%	102%
2	Chuyến bay (chuyến)	33.397	39.204	38.485	115%	98%
3	Doanh thu	413.912	605.389	617.939	149%	102%
4	Chi phí	408.608	569.896	571.755	140%	100%
5	Lợi nhuận trước thuế	5.304	35.493	46.184	871%	130%
6	Đầu tư (GTGN)	309	13.460	0		
7	Quỹ lương	88.397	120.401	131.132	148%	109%
8	Lao động (người)	640	752	744	116%	99%

1.2. Ghi nhận Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Chuyến bay: 41.251 chuyến, tăng 7% so với thực hiện 2023;
- Suất ăn: 11.954.605 suất ăn, tăng 15% so với thực hiện 2023;
- Tổng doanh thu: 706,25 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2023;
- Tổng Chi phí: 654,34 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2023;
- Lợi nhuận trước thuế: 51,9 tỷ đồng, tăng 12% so với thực hiện 2023;



- Tổng quỹ lương: 139,84 tỷ đồng, tăng 7% so với thực hiện 2023;
- Lao động bình quân: 787 người, tăng 6% so với thực hiện 2023;
- Về kế hoạch đầu tư:
 - + Tổng mức đầu tư: 32.85 tỷ đồng, trong đó: đầu tư chuyên tiếp trang thiết bị là: 9,6 tỷ đồng (14 danh mục), đầu tư mới năm 2024 là: 23,25 tỷ đồng (bao gồm đầu tư các trang thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh - gồm 28 danh mục đầu tư trang thiết bị là;
 - + Khối lượng hoàn thành: 20,69 tỷ đồng; Giải ngân: 24,34 tỷ đồng;
 - + Tiến độ triển khai: sau khi ĐHCĐ phê duyệt kế hoạch SXKD, Công ty sẽ tổ chức triển khai thực hiện.

- Ủy quyền cho HĐQT Công ty rà soát, điều chỉnh lại kế hoạch SXKD khi thị trường có những biến động bất thường, ảnh hưởng tới kết quả SXKD; đảm bảo việc điều hành các nguồn lực và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tế và thông báo cho các cổ đông kết quả thực hiện (nếu có).

- 1.3. Thông qua Báo cáo hoạt động và công tác giám sát năm 2023 của HĐQT;
- 1.4. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát.
- 1.5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.
- 1.6. Thông qua mức chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS Công ty năm 2023:
 - Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 9,12 triệu đồng/tháng;
 - Thù lao TV HĐQT: 7,68 triệu đồng/tháng;
 - Thù lao TV Ban kiểm soát: 6,48 triệu đồng/tháng;
 - Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 52,5 triệu đồng/tháng.

Thông qua phương án trả lương, thù lao năm 2024 cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

STT	Chức danh HĐQT/BKS	Tiền lương người/tháng (VNĐ)	Thù lao /người/tháng (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT		12.000.000
2	Thành viên HĐQT		9.600.000
3	Trưởng BKS	46.300.000	
4	Thành viên BKS		7.200.000
	Tổng cộng cả năm	555.600.000	662.400.000

- 1.7. Thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029 cụ thể như sau:
 - Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với bà Nguyễn Đức Hạnh;
 - Bổ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với ông Ngô Hồng Minh, ông Nguyễn Văn Hùng Cường, ông Trần Việt Hải;

- Bổ nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát đối với ông Lê Hoàng Chính, ông Nguyễn Thế Thạch;

1.8. Thông qua việc ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và Tổng Công ty hàng không Việt Nam - CTCP, uỷ quyền Hội đồng quản trị Công ty:

- Thực hiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan theo quy định nội bộ và pháp luật hiện hành.

- Căn cứ vào phê duyệt của Tổng Công ty hàng không Việt Nam - CTCP về việc mua sắm/ký kết hợp đồng với NCS và giá trị hợp đồng/giao dịch để chỉ đạo Công ty triển khai các thủ tục theo quy định.

Điều 2. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Ngô Hồng Minh



Số: 02/BC-NCS-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024 như sau:

I. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 2023

1.1. Những khó khăn, thuận lợi trong quá trình thực hiện kế hoạch 2023:

❖ Thuận lợi:

- Thị trường hàng không năm 2023 cơ bản đã phục hồi, đặc biệt thị trường hàng không nội địa tăng trưởng khoảng 12% so với năm 2019;

- Một số hãng hàng không quốc tế như Malaysia Airlines (MH), Cathay Pacific (CX), China Airlines (CI) sau một thời gian đàm phán đã cấp suất ăn trở lại từ Nội Bài. Các yếu tố trên góp phần tăng sản lượng và doanh thu cho NCS;

- Với định hướng phát triển các sản phẩm Non Air, Công ty đã tạo được thương hiệu đối với một số sản phẩm như Giò tết, Bánh trung thu, Trà sữa đồng thời được khách hàng đón nhận tích cực, doanh thu từ sản phẩm Non Air năm 2023 đạt xấp xỉ 80 tỷ đồng;

❖ Khó khăn:

- Trong khi thị trường hàng không nội địa đang hồi phục mạnh mẽ thì tốc độ hồi phục của thị trường hàng không quốc tế vẫn còn chậm, tổng dung lượng thị trường hàng không quốc tế chỉ đạt 77% so sánh với năm 2019;

- Một số hãng hàng không quốc tế duy trì khai thác tàu thân hẹp thay tàu thân rộng như giai đoạn 2019 làm ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng doanh thu từ các hãng;

- Mặc dù sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng đánh giá cao, nhưng do nguyên vật liệu đầu vào phải được kiểm soát theo quy trình chặt chẽ, đảm bảo ATVSTP nên giá thành sản phẩm tương đối cao, không đủ cạnh tranh để đưa vào kênh phân phối ở siêu thị. Ngoài ra, khoảng cách từ Công ty đến các địa điểm trong nội thành khá xa, chi phí vận chuyển cao nên gặp nhiều khó khăn trong việc giao hàng và phát triển thêm các đại lý;

❖ Các chỉ tiêu chính năm 2023:



STT	Diễn giải	DVT	TH 2022	Năm 2023		TH	TH
				Kế hoạch	Thực hiện	2023/ KH 2023	2023/ TH 2022
I.1	Sản lượng suất ăn thực	suất	8,886,333	10,249,655	10,420,646	102%	117%
1	Cung ứng cho VNA Group	suất	5,660,949	6,490,723	6,349,492	98%	112%
2	Cung ứng cho đối tác khác (*)	suất	3,225,384	3,758,932	4,071,154	108%	126%
I.2	Sản lượng chuyến bay	chuyến	33,387	39,204	38,485	98%	115%
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	413,912	605,389	617,939	102%	149%
1.1	Doanh thu từ hoạt động SXKD	Tr.đ	409,765	603,069	613,714	102%	150%
	- Doanh thu cung ứng cho VNA Group	Tr.đ	256,651	379,472	374,234	99%	146%
	- Doanh thu CU cho đối tác khác (*)	Tr.đ	152,847	223,431	239,218	107%	157%
	- Thu phế liệu	Tr.đ	266	167	262	157%	98%
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Tr.đ	3,849	2,023	3,986	197%	104%
1.3	Thu nhập khác	Tr.đ	298	296	239	81%	80%
2	Tổng chi phí	Tr.đ	408,608	569,896	571,755	100%	140%
2.1	Chi phí sản xuất kinh doanh	Tr.đ	382,082	544,671	547,085	100%	143%
2.2	Chi phí tài chính	Tr.đ	26,526	25,225	24,670	98%	93%
2.3	Chi phí khác	Tr.đ	-	-	-		
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5,304	35,493	46,184	130%	871%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr.đ	5,304	35,493	46,184	130%	871%
II	Các chỉ tiêu khác						
4.1	Đầu tư XDCB và TTB	Tr.đ					
	- Giá trị khối lượng công việc hoàn thành	Tr.đ	-	13,460	-	0%	
	- Giá trị giải ngân	Tr.đ	-	13,460	-	0%	
4.2	Đầu tư vốn vào DN khác	Tr.đ	-	-	-		
5	Tổng quỹ lương, tiền công thực hiện	Tr.đ	88,397	120,401	131,132	109%	148%
6	Lao động bình quân	Người	640	752	744	99%	116%

Đánh giá tổng quan tình hình thực hiện kế hoạch năm 2023:

- **Tổng Sản lượng suất ăn:** thực hiện đạt 10.420.646 suất ăn, tăng 2% so với KH 2023 và tăng 17% TH 2022.

- **Tổng Sản lượng chuyến bay:** 38.485 chuyến, giảm 2% so với KH 2023, tăng 15% TH 2022;

- **Tổng Doanh thu thực hiện năm 2023:** 617,94 tỷ đồng, tăng 2% so với KH 2023 và tăng 49% so với TH 2022.

Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh: 613,71 tỷ đồng (tăng 2% KH 2023 và tăng 50% TH 2022).

Doanh thu hoạt động tài chính: 3,99 tỷ đồng bao gồm: chênh lệch tỷ giá 1,5 tỷ đồng; lãi tiền gửi 2,48 tỷ đồng bằng 123% KH năm.

- **Tổng chi phí thực hiện:** 571,76 tỷ đồng bằng 100% so với KH năm 2023 và tăng 40% TH 2022. Trong đó: chi phí sản xuất kinh doanh: 547,09 tỷ đồng tương đương mức KH 2023 và tăng 43% TH 2022, chi phí tài chính: 24,67 tỷ đồng bằng 98% KH.

- **Tổng lợi nhuận trước thuế** đạt 46,18 tỷ đồng vượt xa so với KH 2023 (tăng gần 11 tỷ đồng, tương ứng 30%) và vượt gần 9 lần TH năm 2022;

1.2. Tình hình thực hiện LĐTL:

- **Quỹ lương:** 131,13 tỷ đồng bằng 109% KH (120,4 tỷ đồng), bằng 148% so với năm 2022 (88,4 tỷ đồng);

- **Lao động bình quân:** 744 người, bằng 99% kế hoạch (752 người), bằng 116% so với năm 2022 (640 người)

- **Tiền lương bình quân (NLĐ&NQL):** 14,6 trđ/người/tháng, bằng 110% so với KH (13,3 trđ/người/tháng), bằng 125% so với năm 2022 (11,7 trđ/người/tháng)

1.3. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư:

- **Tổng mức đầu tư:** 13,46 tỷ đồng, trong đó: đầu tư chuyển tiếp là 0,85 tỷ đồng (04 danh mục trang thiết bị lẻ), đầu tư mới năm 2023 là: 12,61 tỷ đồng (bao gồm đầu tư các trang thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh - gồm 23 danh mục đầu tư trang thiết bị lẻ);

- **Khối lượng hoàn thành:**

- + Kế hoạch: 13,46 tỷ đồng;
- + Thực hiện: trong năm Công ty chưa hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu nên khối lượng hoàn thành bằng 0. Một số danh mục đang thực hiện được chuyển tiếp sang năm 2024;

- **Giá trị giải ngân:**

- + Kế hoạch: 13,46 tỷ đồng.
- + Thực hiện: giá trị giải ngân trong kỳ bằng 0.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

2.1. Những khó khăn, thuận lợi:

❖ **Thuận lợi:**

➤ **Đối với Airlines:**

- Thị trường hàng không trong năm 2024 được dự báo sẽ đón nhận những thuận lợi và tín hiệu tích cực từ các chính sách phát triển du lịch của các địa phương trong nước và các quốc gia trên thế giới, tạo điều kiện nâng cao khả năng khai thác các đường bay nội địa và quốc tế. Bên cạnh đó, việc các hãng hàng không Việt Nam và nước ngoài nghiên cứu, mở thêm các đường bay cũng là cơ hội để phát triển thị trường;
- Theo dự báo của Cục Hàng không Việt Nam, thị trường hàng không Việt Nam cũng nằm trong xu thế của thị trường khu vực châu Á-Thái Bình Dương và sẽ hoàn toàn hồi phục vào cuối năm 2024. Dự báo, tổng nhu cầu vận chuyển hành khách bằng đường hàng không năm 2024 ước khoảng 84,2 triệu khách, tăng 15% so với năm 2023 và tăng 6% so với năm 2019. Trong đó, vận chuyển hành khách nội địa đạt khoảng 41,5 triệu khách, tăng 3,3% so với năm 2023 và tăng 11% so với năm 2019; vận chuyển hành khách quốc tế đạt khoảng 42,7 triệu khách, tăng 15,8% so với năm 2023 và tăng 6,4% so với năm 2019;

➤ **Thị trường Non-Air:**

- Sản phẩm Non Air của NCS được thị trường và khách hàng đón nhận tích cực trong những năm vừa qua. Với mục tiêu xây dựng hình ảnh sản phẩm chất lượng tốt và giá thành hợp lý là tiền đề để NCS tiếp tục duy trì và phát triển các dòng sản phẩm Non Air mới trong năm 2024.

❖ **Khó khăn:**

- Cuộc xung đột Nga- Ukraina khiến tỷ giá, lãi suất biến động, giá cả các loại hàng hóa trên thế giới tăng cao, đặc biệt là dầu thô, ảnh hưởng đến khả năng phục hồi kinh tế toàn cầu trong đó có ngành hàng không;

- Chi phí nhiên liệu tăng kéo theo chi phí của các hãng hàng không tăng theo. Điều này có thể dẫn đến việc tiết giảm ngân sách của các hãng hàng không thông qua cắt giảm tiêu chuẩn cũng như giảm giá bằng hình thức đàm phán hoặc đấu thầu;
- Tình hình giá cả (NVL chính và VL phụ) biến động tăng so với các năm trước;
- Tình hình cạnh tranh trong lĩnh vực suất ăn ngày càng phức tạp, bao gồm các catering trong nước và ở các đầu của các hãng;
- Thị trường lao động gặp phải sự cạnh tranh do ảnh hưởng của dịch bệnh, thu nhập của người lao động bị sụt giảm;

2.2. Dự kiến các chỉ tiêu chính năm 2024:

- Chuyến bay: 41.251 chuyến, tăng 7% so với thực hiện 2023;
- Suất ăn: 11.954.605 suất ăn, tăng 15% so với thực hiện 2023;
- Tổng doanh thu: 706,25 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2023;
- Tổng Chi phí: 654,34 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2023;
- Lợi nhuận trước thuế: 51,9 tỷ đồng, tăng 12% so với thực hiện 2023;
- Tổng quỹ lương: 139,84 tỷ đồng, tăng 7% so với thực hiện 2023;
- Lao động bình quân: 787 người, tăng 6% so với thực hiện 2023;
- Về kế hoạch đầu tư:
 - + Tổng mức đầu tư: 32.85 tỷ đồng, trong đó: đầu tư chuyển tiếp trang thiết bị lẻ: 9,6 tỷ đồng (14 danh mục), đầu tư mới năm 2024 là: 23,25 tỷ đồng (bao gồm đầu tư các trang thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh - gồm 28 danh mục đầu tư trang thiết bị lẻ;
 - + Khối lượng hoàn thành: 20,69 tỷ đồng; Giải ngân: 24,34 tỷ đồng;
 - + Tiến độ triển khai: sau khi ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch SXKD, Công ty sẽ triển khai công tác lựa chọn nhà thầu.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024; ủy quyền cho HĐQT chịu trách nhiệm rà soát, điều chỉnh lại kế hoạch SXKD khi thị trường có những biến động bất thường, ảnh hưởng tới kết quả SXKD; đảm bảo việc điều hành các nguồn lực và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tế và thông báo cho các cổ đông kết quả thực hiện.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ngô Hồng Minh

BÁO CÁO

Về hoạt động và công tác giám sát năm 2023 của Hội đồng quản trị

Kính thưa: Các Quý vị cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

1. Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng quản trị

- Với vai trò là cơ quan quản lý Công ty, Hội đồng quản trị đã thể hiện quyết tâm cao trong việc chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh linh hoạt, tuân thủ chặt chẽ quy định của Nhà nước và Công ty, bảo đảm hài hoà lợi ích của Công ty, các cổ đông và người lao động; duy trì sự đoàn kết nhất trí trong Hội đồng quản trị cũng như với Ban giám đốc Công ty;

- Hội đồng quản trị Công ty đã duy trì hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức, của Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Với số lượng thành viên là 04 người, Hội đồng quản trị đã họp 09 phiên (không bao gồm 16 phiên họp dưới hình thức xin ý kiến thành viên bằng văn bản), trong đó tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023; thực hiện công tác tái cơ cấu, công tác nhân sự, tiền lương và thi đua khen thưởng; chỉ đạo sát sao công tác đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển thị trường; giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ban hành các quy chế quản trị, quy định nội bộ, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị dựa trên sự nhất trí, đồng thuận của các thành viên Hội đồng quản trị, trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển bền vững của Công ty;

- Năm 2023 là năm thị trường vận tải hàng không đã có sự phục hồi và đón nhận những tín hiệu tăng trưởng tích cực thể hiện ở các mặt như các hãng hàng không tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khai thác, mạng đường bay quốc tế được phục hồi và mở rộng; thị trường hàng không nội địa phục hồi hoàn toàn và tăng trưởng so với năm 2019. Vì vậy, căn cứ diễn biến thị trường và đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo doanh nghiệp xây dựng kế hoạch SXKD năm 2023 trình ĐHCĐ với mức lợi nhuận 35,49 tỷ đồng;

- Với nỗ lực tìm kiếm các giải pháp điều hành hiệu quả, mặc dù vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức do ảnh hưởng sau đại dịch Covid - 19, rủi ro giá dầu, tỷ giá, lãi suất biến động, giá cả thị trường... nhưng HĐQT luôn tích cực:



- + Theo sát diễn biến thị trường để chủ động triển khai linh hoạt các giải pháp điều hành, khai thác mọi nguồn thu, quản trị chi phí, sử dụng nguồn lực phù hợp với tình hình thực tế nhằm thực hiện tốt Kế hoạch SXKD năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua;
 - + Chỉ đạo điều hành dòng tiền để đảm bảo cho hoạt động SXKD; Tăng cường kiểm soát, thu hồi nợ; Chủ động rà soát hợp đồng và xác định khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng đầu tư tài chính theo quy định để dự tính kết quả SXKD;
 - + Thường xuyên cập nhật kết quả thực hiện kế hoạch SXKD hàng tháng để đánh giá, phân tích kết quả đạt được, đồng thời làm rõ các tồn tại, hạn chế, các nguyên nhân khách quan và chủ quan, các biện pháp khắc phục để rút kinh nghiệm và làm cơ sở thực hiện tốt nhất kế hoạch SXKD 2024;
- Thông qua hàng loạt các giải pháp kịp thời, cụ thể như nêu trên, thành quả đạt được trong năm 2023 với lợi nhuận thực hiện đạt 46,18 tỷ đồng, chi tiết như sau:
- + Sản lượng chuyến bay: phục vụ 38.485 chuyến, bằng 98% kế hoạch năm và bằng 115% so với năm 2022;
 - + Sản lượng suất ăn: thực hiện đạt 10.420.646 suất ăn, bằng 102% so với kế hoạch và bằng 117% so với năm 2022 (tăng 25% so với năm 2019);
 - + Doanh thu: 617,94 tỷ đồng, bằng 102% so với kế hoạch và bằng 149% so với năm 2022;
 - + Tổng chi phí: 571,76 tỷ đồng, bằng 100% so với kế hoạch và bằng 140% so với năm 2022;
 - + Lợi nhuận trước thuế: đạt 46,18 tỷ đồng, bằng 130% so với kế hoạch và gấp gần 9 lần so với năm 2022;
 - + Quỹ lương: thực hiện 131,13 tỷ đồng, bằng 109% so với kế hoạch và bằng 148% so với năm 2022;

2. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị

- Việc chi trả thù lao và lương cho thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 (chi tiết tại Tờ trình chi trả thù lao năm 2023 và phương án chi trả thù lao năm 2024).

- Các chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và của Công ty.

3. Việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát Ban lãnh đạo trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty linh hoạt, duy trì SXKD, chủ động tiết kiệm chi phí và tăng tối đa doanh thu, đảm bảo dòng tiền thanh toán;

- Ban lãnh đạo đã hoàn thành vai trò điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- + Hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2023 với kết quả cao hơn nhiều so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt;
- + Hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;
- + Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- + Triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được HĐQT phê duyệt;

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Trước nhận định năm 2024 và giai đoạn tới vẫn còn nhiều khó khăn do, cuộc xung đột Nga- Ukraina khiến tỷ giá, lãi suất biến động, giá cả các loại hàng hóa trên thế giới tăng cao, đặc biệt là dầu thô, ảnh hưởng đến khả năng phục hồi kinh tế toàn cầu trong đó có ngành hàng không..., với định hướng tập trung duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh để tiến tới xoá lỗ lũy kế, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với một số chỉ tiêu chính:

- Chuyến bay: 41.251 chuyến, tăng 7% so với thực hiện 2023;
- Suất ăn: 11.954.605 suất ăn, tăng 15% so với thực hiện 2023;
- Tổng doanh thu: 706,25 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2023;
- Tổng Chi phí: 654,34 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2023;
- Lợi nhuận trước thuế: 51,9 tỷ đồng, tăng 12% so với thực hiện 2023;
- Tổng quỹ lương: 139,84 tỷ đồng, tăng 7% so với thực hiện 2023;
- Lao động bình quân: 787 người, tăng 6% so với thực hiện 2023;
- Về kế hoạch đầu tư:

Tổng mức đầu tư: 32.85 tỷ đồng, trong đó: đầu tư chuyển tiếp trang thiết bị lẻ: 9,6 tỷ đồng (14 danh mục), đầu tư mới năm 2024 là: 23,25 tỷ đồng (bao gồm đầu tư các trang thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh - gồm 28 danh mục đầu tư trang thiết bị lẻ;

Khối lượng hoàn thành: 20,69 tỷ đồng; Giải ngân: 24,34 tỷ đồng;

Tiến độ triển khai: sau khi ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch SXKD, Công ty sẽ triển khai lựa chọn nhà thầu.

- Căn cứ nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh này, trong năm 2024, Hội đồng quản trị sẽ tập trung thực hiện các giải pháp chính như sau:

❖ Kế hoạch quản trị doanh thu:

- + Hàng tháng, Công ty tiến hành lập KH doanh thu cập nhật theo tình hình thực tế của tháng kế hoạch;
- + Thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện doanh thu so với KH;
- + Chủ động cập nhật doanh thu từ VNA và các hãng.

❖ Kế hoạch quản trị chi phí chung:

NCS quản trị các chi phí vận hành theo chi phí vận hành cố định và chi phí vận hành biến đổi theo sản lượng. Cụ thể:



- + Đối với các chi phí vận hành biến đổi theo sản lượng suất ăn hoặc chuyến bay: Công ty quản trị theo tỷ trọng của các chi phí này trên yếu tố tác động tương ứng. Rà soát đánh giá thường xuyên để tham mưu kịp thời cho ban lãnh đạo công ty khi có các biến động vượt ngưỡng;
- + Đối với các chi phí vận hành cố định: Kiểm soát dựa trên hiệu quả kinh doanh của Công ty. Công ty lập thứ tự ưu tiên trong việc thực hiện các khoản mục chi phí đảm bảo tính hiệu quả khi vận hành chi phí;

Với vai trò và trách nhiệm quản lý Công ty, năm 2024, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực quản trị, tập trung chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các giải pháp phù hợp và linh hoạt trong từng thời điểm cụ thể, đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát đối với Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty.

III. KIẾN NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo về hoạt động và công tác giám sát năm 2023 của Hội đồng quản trị.

Thay mặt Hội đồng quản trị, xin chân thành cảm ơn các Quý vị cổ đông đã tin tưởng và gắn bó với Công ty trong những năm vừa qua. Kính chúc các Quý vị cổ đông và Quý vị đại biểu mạnh khỏe, chúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Ngô Hồng Minh



TỜ TRÌNH

V/v ký hợp đồng giữa Công ty và TCT Hàng không Việt Nam-CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty ngày 29/6/2021;

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP (TCTHK) là cổ đông lớn của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài (NCS) với tỷ lệ sở hữu là 60,17% tổng số cổ phần phổ thông của NCS, đồng thời TCTHK cũng là khách hàng lớn của NCS, việc duy trì hợp đồng cung cấp suất ăn, dịch vụ với TCTHK là rất quan trọng ((*giá trị giao dịch trong 5 năm vừa qua (2018-2022) của NCS với VNA lần lượt: 2018 là 329 tỷ đồng (bằng 72% tổng TS năm liền trước); 2019 là 357 tỷ đồng (bằng 53% tổng TS năm liền trước); riêng năm 2020 và 2021 do ảnh hưởng dịch bệnh, giao dịch sụt giảm chỉ còn là 186 tỷ đồng và 85 tỷ đồng (tương ứng bằng 31% và 15% tổng TS của các năm liền trước); năm 2022 là 289,9 tỷ đồng (bằng 57% tổng TS năm liền trước); năm 2023 là 374,2 tỷ đồng. Năm 2024 và các năm tiếp theo, NCS sẽ thực hiện ký kết Hợp đồng cung cấp suất ăn và các dịch vụ liên quan cho VNA với giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của NCS được ghi trong các Báo cáo tài chính gần nhất.*

Theo Điểm n Khoản 1 Điều 15 Điều lệ Công ty quy định việc: "*Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất*" thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Hợp đồng cung cấp suất ăn và dịch vụ hiện tại gồm Hợp đồng chính và các Phụ lục, Phụ kiện. Theo đánh giá, sau khi hai bên ký hợp đồng mới, trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ có nhiều phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh tiêu chuẩn dịch vụ, thực đơn, đơn giá... để phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ của TCTHK cũng như nhu cầu của thị trường. Do việc thay đổi các nội dung trong Hợp đồng và các Phụ lục phải báo cáo ĐHCĐ thông qua nên để tạo điều kiện cho NCS



chủ động hơn trong việc triển khai Hợp đồng với TCTHK và đơn giản bớt các thủ tục, những nội dung phát sinh nêu trên có thể xem xét, kiến nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty chịu trách nhiệm xem xét, phê duyệt sửa đổi Hợp đồng và báo cáo các cổ đông kết quả sau khi thực hiện, cụ thể như sau:

1) Chấp thuận cho Công ty ký Hợp đồng cung cấp suất ăn và dịch vụ với Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP;

2) Giao Hội đồng quản trị Công ty:

- Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của Hợp đồng bao gồm cả những nội dung phát sinh (nếu có);

- Chỉ đạo Công ty ký kết Hợp đồng với Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP và triển khai thực hiện Hợp đồng theo đúng quy định.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo tuân thủ các quy định khác tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật có liên quan và báo cáo cho cổ đông và Đại hội trong Báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm về nội dung thực hiện Hợp đồng với TCTHK.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Hồng Minh



HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG SUẤT ĂN

HỢP ĐỒNG CHÍNH

Hợp đồng này (bao gồm Hợp đồng chính, Phụ lục A và (các) phụ lục B, sau đây gọi là Hợp đồng), được lập ngày ... tháng ... năm ... giữa:

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

có trụ sở chính tại: Số 200, Phố Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam
sau đây gọi là "Hãng hàng không"

và:

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

có trụ sở chính tại: Sân bay Nội Bài, Hà Nội, Việt Nam
sau đây gọi là "Công ty cung ứng suất ăn".

Các bên cùng đồng ý với các thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1

TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ VÀ DỊCH VỤ:

1.1. Điều khoản chung

Công ty cung ứng suất ăn đứng tên trong Hợp đồng này chịu trách nhiệm cung cấp cho Hãng hàng không các dịch vụ được cụ thể hoá trong các điều 1.2, 1.3, 1.5 và 1.6 của Hợp đồng này (sau đây được gọi là Dịch vụ) phù hợp với các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng.

1.2. Các chuyến bay theo lịch

Công ty cung ứng suất ăn có trách nhiệm cung ứng các Dịch vụ ghi tại Phụ lục A và được liệt kê trong (các) Phụ lục B cho máy bay được khai thác bởi Hãng hàng không hoặc khai thác theo uỷ quyền của Hãng hàng không để thực hiện các chuyến bay theo lịch tại (các) địa điểm tương ứng được nêu tại (các) Phụ lục B. Ngược lại, Hãng hàng không cam kết thông báo cho Công ty cung ứng suất ăn trong thời gian sớm nhất có thể được các thay đổi về lịch bay và/hoặc tần suất bay và/hoặc loại máy bay khai thác.

1.3. Các chuyến bay đặc biệt

Công ty cung ứng suất ăn sẽ cung cấp các Dịch vụ ghi trong Phụ lục A và được liệt kê trong (các) Phụ lục B cho các máy bay thực hiện các chuyến bay không theo lịch được khai thác bởi Hãng hàng không hoặc khai thác theo uỷ quyền của Hãng hàng không tại (các) địa điểm tương ứng được nêu tại (các) Phụ lục B với điều kiện Hãng hàng không thông báo trước cho Công ty cung ứng suất ăn một cách hợp lý và việc cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay đặc biệt này sẽ không ảnh hưởng gì tới các cam kết đã được thoả thuận giữa hai bên.

1.4. Thứ tự ưu tiên

Trong trường hợp phục vụ nhiều chuyến bay và trong khả năng cho phép, các chuyến bay khai thác đúng giờ sẽ được ưu tiên phục vụ trước.

1.5. Các dịch vụ khác

Trong khả năng cho phép, Công ty cung ứng suất ăn sẽ cung cấp cho Hãng hàng không các dịch vụ khác nếu Hãng hàng không yêu cầu. Các dịch vụ này sẽ được điều chỉnh bằng các điều khoản đặc biệt được thoả thuận giữa hai bên.

1.6. Các sân bay khác

Trong trường hợp nhận được yêu cầu cung cấp dịch vụ của máy bay của Hãng hàng không tại các sân bay không phải là địa điểm đã qui định trong Hợp đồng này mà tại địa điểm đó Công ty cung ứng suất ăn có chi nhánh cung cấp dịch vụ, Công ty cung ứng suất

ăn sẽ nỗ lực hết sức, trong điều kiện các phương tiện và trang thiết bị sẵn có tại địa điểm đó, cung cấp các dịch vụ cần thiết cho Hãng hàng không theo yêu cầu.

1.7. Không có khả năng cung cấp dịch vụ

Trong trường hợp Công ty cung ứng suất ăn không thể cung cấp cho Hãng hàng không tất cả hoặc một số Dịch vụ đã được đề cập đến tại Điều 1.3, 1.5 và 1.6, Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải thông báo cho Hãng hàng không ngay khi nhận được yêu cầu của Hãng hàng không về việc cung cấp các Dịch vụ này.

ĐIỀU 2 THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

2.1. Bảo mật

Mỗi Bên có trách nhiệm thực hiện và đảm bảo rằng người phục vụ, người lao động, đại lý và (các) đại diện có thẩm quyền của mình thực hiện các điều khoản của Hợp đồng này theo nguyên tắc bảo mật nghiêm ngặt nhất. Không Bên nào được phép tiết lộ, phổ biến các thông tin liên quan đến Bên kia hoặc các công việc do các Bên thực hiện liên quan đến Hợp đồng này nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên mà thông tin bị tiết lộ, việc chấp thuận bằng thể thức văn bản này không thể bị trì hoãn hoặc từ chối mà không có lý do hợp lý. Tuy nhiên, một Bên có thể tiết lộ các thông tin trên của Bên kia nếu các thông tin này rõ ràng đã được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng tại thời điểm thông tin này bị tiết lộ; hoặc theo yêu cầu của pháp luật hiện hành hoặc các quy định của chính phủ hoặc nhà chức trách mà theo đó Bên đó được yêu cầu phải tiết lộ thông tin. Trong trường hợp này, Bên được yêu cầu phải tiết lộ thông tin phải thông báo trước cho Bên kia trước mỗi lần thực hiện tiết lộ thông tin.

ĐIỀU 3 NHÀ THẦU PHỤ

3.1. Công ty cung ứng suất ăn có thể uỷ quyền thực hiện bất cứ một Dịch vụ nào của Hợp đồng cho các Nhà thầu phụ của mình nếu đã đạt được thoả thuận bằng văn bản trước với Hãng hàng không. Việc thoả thuận bằng thể thức văn bản như trên không thể bị trì hoãn hoặc từ chối mà không có lý do hợp lý. Công ty cung ứng suất ăn trong mọi thời điểm sẽ vẫn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Hãng hàng không về tính chính xác và hoàn chỉnh của việc cung ứng các Dịch vụ đã uỷ quyền cho (các) nhà thầu phụ này như trong trường hợp Công ty cung ứng suất ăn tự mình cung ứng Dịch vụ đó. Từng Dịch vụ được uỷ quyền cho Nhà thầu phụ sẽ được ghi rõ trong (các) Phụ lục B liên quan.

3.2. Hãng hàng không sẽ không chỉ định bất kỳ một cá nhân, công ty hoặc tổ chức nào khác để cung ứng các Dịch vụ mà Công ty cung ứng suất ăn đã đồng ý cung cấp trong phạm vi của Hợp đồng này, ngoại trừ các trường hợp đã quy định trong Điều khoản phụ 1.7 và 12.3 của Hợp đồng này và trong các trường hợp đặc biệt khác mà hai Bên hoàn toàn nhất trí với nhau.

ĐIỀU 4 ĐẠI DIỆN CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG

4.1. Hãng hàng không có thể bổ trí đại diện riêng của mình tại (các) địa điểm quy định tại (các) Phụ lục hợp đồng, với chi phí do Hãng hàng không đảm nhiệm. Các đại diện riêng này hoặc đại diện của trụ sở chính của Hãng hàng không sẽ có quyền kiểm tra nhà xưởng, máy móc được sử dụng để lưu trữ, chuẩn bị, sản xuất và vận chuyển các yếu tố cần thiết hoặc có liên quan đến việc cung cấp các Dịch vụ cho Hãng hàng không, cũng như có quyền kiểm tra các Dịch vụ sẽ được Công ty cung ứng suất ăn cung cấp cho Hãng hàng không theo các thoả thuận tại Hợp đồng. Các đại diện có thể tư vấn hoặc hỗ trợ Công ty cung ứng suất ăn, đồng thời Công ty cung ứng suất ăn cũng sẽ nỗ lực hết khả năng để tuân thủ theo các hướng dẫn của các đại diện của Hãng hàng không đưa ra đối với Công ty cung ứng suất ăn.

4.2. Công ty cung ứng suất ăn sẽ hợp tác và cung cấp các trang thiết bị cần thiết cho đại diện của Hãng hàng không thực hiện việc kiểm tra theo Điều 4.1 để đại diện này hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách hiệu quả. Việc kiểm tra này có thể được thực hiện mà không cần thông báo trước và sẽ không ảnh hưởng đến quyền khiếu kiện sau này của Hãng hàng

không đối với Công ty cung ứng suất ăn. Công ty cung ứng suất ăn có quyền cử một đại diện của mình thực hiện kiểm tra cùng với đại diện của Hãng hàng không.

- 4.3.** Hãng hàng không có thể thuê một tổ chức (sau đây được gọi là "Đại diện được uỷ nhiệm") tiến hành kiểm tra Dịch vụ của Công ty cung ứng suất ăn tại (các) địa điểm đã được quy định trong (các) Phụ lục B, nhưng phải có thông báo trước cho Công ty cung ứng suất ăn bằng văn bản và chi phí cho cuộc kiểm tra đó do Hãng hàng không đảm nhiệm. Thông báo này phải nêu rõ các danh mục Dịch vụ sẽ được kiểm tra. Các Đại diện được uỷ nhiệm này sẽ có các quyền giống như các đại diện riêng của chính Hãng hàng không được quy định trong Điều 4.1.
- 4.4.** Việc các Đại diện riêng hoặc Đại diện được uỷ nhiệm của Hãng hàng không hướng dẫn và hỗ trợ Công ty cung ứng suất ăn sẽ không làm giảm trách nhiệm của Công ty cung ứng suất ăn đối với Hãng hàng không trong việc thực hiện đầy đủ, chính xác và hợp lý các Dịch vụ theo Hợp đồng.
- 4.5.** Các trang thiết bị văn phòng và văn phòng do Công ty cung ứng suất ăn cung cấp cho Hãng hàng không với mục đích để cho Đại diện riêng hoặc Đại diện được uỷ nhiệm của Hãng hàng không thực hiện các công việc trên sẽ được quy định trong một Hợp đồng riêng biệt.

ĐIỀU 5 TIÊU CHUẨN CÔNG VIỆC

- 5.1.** Công ty cung ứng suất ăn có trách nhiệm cung cấp mọi Dịch vụ cho Hãng hàng không theo đúng các bản ghi chi tiết về đặc điểm, nội dung dịch vụ và các quy trình được quy định trong (các) Phụ lục B.
- 5.2.** Đối với các chuyến bay theo lịch đã được quy định trong Điều 1.2, Công ty cung ứng suất ăn có trách nhiệm luôn luôn cung cấp các Dịch vụ cho Hãng hàng không theo các bản ghi chi tiết về đặc điểm, nội dung dịch vụ và các bảng hướng dẫn trong (các) Phụ lục B của Hợp đồng này, cũng như theo các bản ghi chi tiết về đặc điểm, nội dung Dịch vụ và các bảng hướng dẫn được Hãng hàng không cung cấp cho Công ty cung ứng suất ăn để cập nhật cho từng giai đoạn cụ thể (dưới đây được gọi là "Hướng dẫn"). Công ty cung ứng suất ăn phải xác nhận bằng văn bản cho Hãng hàng không về việc đã nhận được các Hướng dẫn trên. Các Bên đồng ý rằng tất cả các Hướng dẫn này sẽ hợp nhất và trở thành một bộ phận của Hợp đồng. Trong trường hợp không có Hướng dẫn của Hãng hàng không đối với một công việc nào đó, Công ty cung ứng suất ăn sẽ thực hiện công việc đó theo các tiêu chuẩn và quy trình hiện hành của mình.
- 5.3.** Các Dịch vụ, khác với loại cung ứng cho các chuyến bay theo lịch và thực hiện theo Điều 1.3, 1.5 và 1.6 của Hợp đồng này, sẽ được Công ty cung ứng suất ăn cung cấp theo các yêu cầu cụ thể của Hãng hàng không trừ khi Công ty cung ứng suất ăn thông báo cho Hãng hàng không về việc không có khả năng cung ứng các Dịch vụ này ngay khi nhận được yêu cầu của Hãng hàng không. Hai Bên sau đó sẽ thoả thuận cụ thể về việc cung ứng các dịch vụ đặc biệt này. Trong trường hợp Hãng hàng không không có yêu cầu hoặc thoả thuận cụ thể đối với các dịch vụ này, Công ty cung ứng suất ăn sẽ thực hiện công việc đó theo các tiêu chuẩn và quy trình hiện hành của mình.
- 5.4.** Công ty cung ứng suất ăn cam kết thực hiện mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng, đối với các dịch vụ và các tiêu chuẩn được thoả thuận trong Hợp đồng, máy bay, tổ bay và hành khách của Hãng hàng không sẽ nhận được sự phục vụ không kém hơn sự phục vụ của Công ty cung ứng suất ăn đối với các hãng hàng không khác cũng như sự phục vụ tương tự khác có thể so sánh được tại cùng địa điểm.
- 5.5.** Công ty cung ứng suất ăn cam kết sẽ luôn cập nhật thông tin về nhiệm vụ, quyền hạn của các nhân viên thực hiện cung cấp Dịch vụ cho Hãng hàng không. Trong trường hợp tại một thời điểm cụ thể nào đó, Công ty cung ứng suất ăn không thể cung cấp các thông tin về nhiệm vụ, quyền hạn của các nhân viên thực hiện cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của Hãng hàng không, Công ty cung ứng suất ăn sẽ thông báo cho Hãng hàng không ngay lập tức.
- 5.6.** Hãng hàng không sẽ cung cấp đầy đủ các thông tin và hướng dẫn để Công ty cung ứng suất ăn có thể thực hiện việc cung ứng Dịch vụ theo cách thích hợp.
- 5.7.** Công ty cung ứng suất ăn cam kết rằng: trong quá trình thực hiện việc cung ứng Dịch vụ, sẽ luôn chú ý đến vấn đề an toàn và an ninh và sẽ tuân thủ theo luật pháp và các quy định

quốc gia và quốc tế đang có hiệu lực áp dụng, bao gồm và không giới hạn các luật lệ và quy định của Hiệp hội Hàng không Quốc tế (IATA) và/hoặc Tổ chức Hàng không Dân dụng Thế giới (ICAO).

- 5.8.** Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải ngay lập tức thông báo cho đại diện của Hãng hàng không về các thiệt hại hoặc mất mát có nguy cơ xảy ra hoặc đã xảy ra trên thực tế đối với máy bay và hàng hoá, vật tư chứa trên máy bay của Hãng hàng không mà Công ty cung ứng suất ăn nhận thấy trong quá trình thực hiện cung ứng hay thông qua nhận thức của mình.
- 5.9.** Công ty cung ứng suất ăn cam kết: tại mọi thời điểm trong quá trình thực hiện Hợp đồng, sẽ:
- (a) đảm bảo rằng các nhà xưởng, máy móc, các quá trình sản xuất, các dụng cụ dùng để cất trữ, chuẩn bị, sản xuất và vận chuyển các suất ăn và đồ uống để cung ứng cho máy bay của Hãng hàng không luôn luôn đáp ứng được các tiêu chuẩn về vệ sinh được quy định cụ thể trong luật, các quy định, quy trình và yêu cầu của quốc gia cũng như quốc tế đang có hiệu lực áp dụng;
 - (b) thực hiện các bước cần thiết để đảm bảo rằng đồ ăn và nước uống được cung ứng lên máy bay của Hãng hàng không cũng như các dụng cụ phục vụ cho việc cung cấp các Dịch vụ theo yêu cầu của Hãng hàng không sẽ được loại trừ hoàn toàn nguồn gốc các vi khuẩn gây bệnh và các chất độc hại theo yêu cầu của luật pháp, quy định, quy trình và yêu cầu của quốc gia và quốc tế;
 - (c) đảm bảo và chứng minh rằng các tiêu chuẩn được đề cập ở trên đã và sẽ được thực hiện thường xuyên, liên tục và bằng chứng về việc thực hiện này sẽ phải được lưu trữ và sẵn có để Hãng hàng không tiến hành kiểm tra nếu cần thiết;
 - (d) đảm bảo rằng các Dịch vụ luôn được cung ứng kịp thời;
 - (e) đảm bảo đáp ứng được các tiêu chuẩn bổ sung về việc thực hiện công việc được ghi cụ thể tại Phụ lục B.

5.10. Dụng cụ, trang thiết bị

Công ty cung ứng suất ăn sẽ cung cấp các điều kiện, trang thiết bị cần thiết để đảm bảo các vật dụng do Hãng hàng không cung cấp cho Công ty cung ứng suất ăn (sau đây gọi là "Dụng cụ, trang thiết bị") sẽ được cất trữ một cách hiệu quả và an toàn để thực hiện cung ứng các Dịch vụ. Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất đối với các Dụng cụ, trang thiết bị do Hãng hàng không cung cấp nếu các Dụng cụ, trang thiết bị này bị mất mát hoặc hư hỏng trong quá trình thuộc phạm vi kiểm soát hoặc trong quá trình sử dụng của Công ty cung ứng suất ăn, hoặc đã được cam kết là sẽ được bảo quản an toàn.

- 5.11.** Công ty cung ứng suất ăn đảm bảo rằng: mọi tài sản của Hãng hàng không giao cho Công ty cung ứng suất ăn sẽ chỉ được sử dụng duy nhất cho mục đích thực hiện các công việc cung ứng Dịch vụ hoặc các công việc có liên quan tới cung ứng Dịch vụ cho Hãng hàng không và không tài sản nào trong số đó được giữ gìn hoặc sử dụng cho bất kỳ một mục đích nào khác, cũng như trao cho một bên thứ ba hoặc người nào khác để sử dụng với bất kỳ mục đích gì.

**ĐIỀU 6
TIỀN CÔNG**

- 6.1.** Đối với các Dịch vụ đã được Công ty cung ứng suất ăn cung cấp, Hãng hàng không cam kết sẽ thanh toán cho Công ty cung ứng suất ăn các khoản phí cho các Dịch vụ đã được Công ty cung ứng suất ăn cung cấp cho Hãng hàng không theo các mức giá đã được cụ thể hoá trong (các) Phụ lục B tương ứng về điều khoản Dịch vụ và theo Điều 1.2 của Hợp đồng này. Ngoài ra, Hãng hàng không cũng cam kết sẽ thanh toán cho Công ty cung ứng suất ăn các khoản chi phí và các khoản tiền khác thực sự phát sinh khi Công ty cung ứng suất ăn cung cấp cho Hãng hàng không các Dịch vụ như đã đề cập tại các Điều 1.3, 1.5 và 1.6 của Hợp đồng này.
- 6.2.** Các khoản phí được ghi trong (các) Phụ lục B sẽ không bao gồm các khoản phí, lệ phí và thuế mà Hãng hàng không hoặc Công ty cung ứng suất ăn phải trả cho Sân bay, Hải quan hoặc các nhà chức trách khác liên quan trực tiếp đến việc Công ty cung ứng suất ăn cung cấp các Dịch vụ cho Hãng hàng không theo Hợp đồng này, hoặc liên quan đến các chuyến

bay của Hãng hàng không. Các khoản phí, lệ phí và thuế này sẽ được kê riêng và Hãng hàng không sẽ là người chi trả cuối cùng.

6.3. Hãng hàng không sẽ chỉ chịu trách nhiệm thanh toán cho các Dịch vụ do Đại diện có thẩm quyền thích hợp của Hãng hàng không yêu cầu và/hoặc chấp nhận bằng văn bản; đồng thời các Dịch vụ này đã được cung cấp cho Hãng hàng không theo đúng các điều khoản của Hợp đồng này.

6.4. Phí huỷ bỏ Dịch vụ

6.4.1. Hãng hàng không sẽ chấp nhận thực hiện các nghĩa vụ được quy định trong (các) Phụ lục B của Hợp đồng này liên quan đến việc (các) đại diện có thẩm quyền của mình huỷ bỏ Dịch vụ mà Hãng hàng không đã chính thức yêu cầu Công ty cung ứng suất ăn cung cấp.

6.4.2. Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải gửi tài liệu cho Hãng hàng không về các khoản phí và các khoản tiền khác mà mình đã phải chi trả theo các điều khoản của (các) Phụ lục B liên quan đến việc huỷ bỏ dịch vụ trước khi Hãng hàng không phải chịu trách nhiệm trong các trường hợp như vậy.

6.4.3. Trừ khi được quy định trong (các) Phụ lục B, Hãng hàng không sẽ không chịu trách nhiệm về hoặc liên quan đến việc huỷ bỏ Dịch vụ. Hãng hàng không sẽ có quyền huỷ bỏ các yêu cầu về suất ăn vì bất kỳ lý do nào, bao gồm và không giới hạn ở việc chậm, huỷ hay thay đổi hành trình chuyến bay...

**ĐIỀU 7
THANH TOÁN**

7.1. Căn cứ vào các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng và theo địa chỉ được quy định trong Phụ lục B, Công ty cung ứng suất ăn sẽ gửi cho Hãng hàng không hoá đơn thanh toán cho các khoản phí phát sinh từ việc cung cấp các Dịch vụ ghi tại Phụ lục A và được liệt kê trong (các) Phụ lục B theo mức giá được ghi trong Phụ lục B đang có hiệu lực áp dụng. Các hoá đơn này phải được đính kèm theo các chứng từ có liên quan theo hướng dẫn của Hãng hàng không.

7.2. Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng chuyển khoản theo các thoả thuận chi tiết trong Phụ lục B.

7.3. Một trong hai Bên sẽ có quyền sửa chữa lỗi trong hoá đơn đã được gửi trước đó. Hãng hàng không cam kết sẽ không chậm trễ trong việc thanh toán cho các khoản tiền mà Hãng hàng không không có tranh cãi gì với điều kiện việc thanh toán này sẽ không ảnh hưởng đến quyền khiếu nại sau này của Hãng hàng không đối với Công ty cung ứng suất ăn. Các khiếu nại này của Hãng hàng không sẽ phải được gửi trong vòng 30 ngày tính từ ngày nhận được hoá đơn thanh toán. Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải trả lời Hãng hàng không trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

**ĐIỀU 8
TRÁCH NHIỆM VÀ BỒI THƯỜNG**

Trong điều khoản này, khi đề cập đến Hãng hàng không hoặc Công ty cung ứng suất ăn, các cụm từ này sẽ bao hàm cả các nhân công, người phục vụ, đại lý và Nhà thầu phụ của các công ty này.

8.1. Hãng hàng không sẽ không khiếu nại Công ty cung ứng suất ăn và sẽ thực hiện bồi thường (các đối tượng được bồi thường sẽ được quy định dưới đây) đối với trách nhiệm pháp lý cho các khiếu nại, khiếu kiện, bao gồm các khoản phí và phụ phí phát sinh từ các khiếu nại và khiếu kiện đó, liên quan đến:

- (a) việc chậm chuyển, gây thương vong hoặc tử vong cho các cá nhân đã hoặc sẽ được vận chuyển bởi Hãng hàng không; và
- (b) thương vong hoặc tử vong xảy ra cho các nhân công của Hãng hàng không; và
- (c) sự chậm trễ về hành lý, hàng hoá hoặc bưu kiện đã hoặc sẽ được vận chuyển bởi Hãng hàng không; và
- (d) thiệt hại hoặc tổn thất về tài sản thuộc quyền sở hữu của Hãng hàng không hoặc do Hãng hàng không khai thác hoặc do hãng được Hãng hàng không uỷ quyền khai thác và các thiệt hại hoặc tổn thất là hậu quả của thiệt hại hoặc tổn thất nói trên;

phát sinh từ hành động hoặc thiếu sót của Công ty cung ứng suất ăn trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trừ khi các hành động hoặc thiếu sót này được thực hiện với chủ ý gây thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất, hoặc được thực hiện một cách bất cẩn với nhận thức là việc bất cẩn đó có thể sẽ gây ra thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất.

Với điều kiện là các khiếu nại và khiếu kiện phát sinh từ Hợp đồng này được giải quyết bởi Hãng hàng không; và

Còn với điều kiện là Công ty cung ứng suất ăn sẽ thông báo cho Hãng hàng không một cách không chậm trễ về các khiếu nại và khiếu kiện này, và sẽ hỗ trợ cho Hãng hàng không nếu Hãng hàng không có các yêu cầu hợp lý.

8.2. Không kể các điều được quy định trong Điều 8.1 nêu trên, Hãng hàng không sẽ có quyền khiếu nại Công ty cung ứng suất ăn nếu thấy hợp lý và Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải thực hiện bồi thường cho Hãng hàng không đối với các nghĩa vụ pháp lý cho các khiếu nại, khiếu kiện, bao gồm các khoản phí và phụ phí phát sinh từ các khiếu nại và khiếu kiện đó, liên quan đến:

- (a) tử vong, thương vong, ốm đau hoặc bệnh tật của các cá nhân được vận chuyển bởi Hãng hàng không; và
- (b) tử vong, thương vong, ốm đau hoặc bệnh tật của nhân công của Hãng hàng không;

phát sinh từ việc Công ty cung ứng suất ăn không thực hiện đúng các Điều 5.9(a) và 5.9(b) trong Hợp đồng này.

8.3. Hãng hàng không sẽ không khiếu nại Công ty cung ứng suất ăn đối với các thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hoặc tổn thất xảy ra đối với các bên thứ 3 (nghĩa là các bên không phải Hãng hàng không, Công ty cung ứng suất ăn và các cá nhân được hoặc sẽ được vận chuyển bởi Hãng hàng không) phát sinh từ hành động hoặc thiếu sót của Công ty cung ứng suất ăn trong quá trình thực hiện Hợp đồng trừ khi các hành động hoặc thiếu sót này được thực hiện với chủ ý gây thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất, hoặc được thực hiện một cách bất cẩn với nhận thức là việc bất cẩn đó có thể sẽ gây ra thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất.

8.4. (a) Không kể các quy định trong Điều 8.1, trong trường hợp có các khiếu nại phát sinh từ việc vận chuyển đường bộ cần thiết trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, và việc vận chuyển này là một phần của quá trình xếp dỡ và/hoặc được điều chỉnh bởi Hợp đồng chuyên chở của Hãng hàng không, việc bồi thường sẽ không vượt quá giới hạn đã quy định trong Hợp đồng chuyên chở.

(b) Trong trường hợp khiếu nại phát sinh do việc vận chuyển đường bộ mà việc vận chuyển này KHÔNG được thực hiện theo uỷ quyền của Hãng hàng không và/hoặc KHÔNG phải là một phần của quá trình xếp dỡ và/hoặc KHÔNG được điều chỉnh bởi Hợp đồng chuyên chở của Hãng hàng không, việc miễn trừ trách nhiệm và bồi thường đã quy định trên đây sẽ không được áp dụng.

8.5. Công ty cung ứng suất ăn sẽ không khiếu nại Hãng hàng không và phải bồi thường (các đối tượng được bồi thường sẽ được quy định dưới đây) đối với các trách nhiệm pháp lý cho các khiếu nại và khiếu kiện, bao gồm các khoản phí và phụ phí phát sinh từ các khiếu nại và khiếu kiện đó, đối với:

- (a) thương vong hoặc tử vong của nhân công, người phục vụ, đại lý hoặc các nhà thầu phụ của Công ty cung ứng suất ăn; và
- (b) thiệt hại hoặc tổn thất về tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty cung ứng suất ăn, hoặc do Công ty cung ứng suất ăn khai thác hoặc uỷ quyền khai thác; cũng như các thiệt hại và tổn thất:

phát sinh từ hành động hoặc thiếu sót của Hãng hàng không trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trừ khi các hành động hoặc thiếu sót đó được thực hiện với chủ ý gây thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất, hoặc được thực hiện một cách bất cẩn với nhận thức là việc bất cẩn đó có thể sẽ gây ra thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất.

8.6. Để không gây ảnh hưởng đến trách nhiệm bồi thường của Công ty cung ứng suất ăn đối với Hãng hàng không, Công ty cung ứng suất ăn, với chi phí thuộc về phần mình, sẽ mua các

bảo hiểm cần thiết để đảm bảo cho các trách nhiệm và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này và đặc biệt là các trách nhiệm và nghĩa vụ phát sinh từ Điều 8.2 cho các điều khoản đã quy định trong Phụ lục B có liên quan.

ĐIỀU 9 TRỌNG TÀI

- 9.1.** Mọi tranh chấp hoặc khiếu nại liên quan đến hoặc phát sinh từ phạm vi, ý nghĩa, cấu trúc và hiệu lực của Hợp đồng này, nếu không được giải quyết bằng thoả thuận giữa hai bên, sẽ được đưa ra trọng tài giải quyết dứt điểm theo các thủ tục được quy định dưới đây, các phán quyết của trọng tài đã đưa ra có thể được chuyển tới toà án có thẩm quyền thụ lý.
- 9.1.1. Các Bên có thể thoả thuận việc chỉ định một trọng tài duy nhất, trong trường hợp này, hội đồng trọng tài sẽ chỉ bao gồm một trọng tài duy nhất. Trọng tài này có thể do cả hai Bên trực tiếp chỉ định hoặc theo yêu cầu của cả hai Bên, do Tổng giám đốc IATA chỉ định.
- 9.1.2. Nếu các Bên không đồng ý chỉ định một trọng tài duy nhất, Hội đồng trọng tài sẽ bao gồm ba trọng tài viên được chỉ định theo cách sau:
- (a) Mỗi Bên sẽ chỉ định một trong ba trọng tài. Nếu một trong các Bên không chỉ định được trọng tài của mình thì trọng tài đó sẽ do Tổng giám đốc IATA chỉ định.
- (b) Hai trọng tài được chỉ định trên sẽ chỉ định một trọng tài thứ ba, trọng tài thứ ba này sẽ đảm nhiệm vị trí chủ toạ. Nếu hai trọng tài này không thể chỉ định được một trọng tài thứ ba thì trọng tài đó sẽ do Tổng giám đốc IATA chỉ định.
- 9.1.3. Theo yêu cầu của các Bên, Tổng Giám đốc IATA sẽ chọn một thời hạn thích hợp nhất định, trong thời hạn đó, các Bên hoặc trọng tài do các bên chỉ định sẽ thành lập hội đồng trọng tài. Khi hết thời hạn này, Tổng Giám đốc IATA sẽ thực hiện các hành động cần thiết được quy định trong điều khoản trên để thành lập hội đồng trọng tài.
- 9.1.4. Trong trường hợp hội đồng trọng tài bao gồm ba trọng tài, việc phán quyết sẽ được thực hiện theo nguyên tắc đa số.
- 9.1.5. Việc trọng tài sẽ được tiến hành tại địa điểm được quy định cụ thể trong Phụ lục B.
- 9.1.6. Các Bên sẽ ra điều kiện để chỉ định trọng tài là trọng tài phải áp dụng luật và các quy định được cụ thể hoá trong Điều 13 để giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, trọng tài hoặc hội đồng trọng tài có thể tự định ra nguyên tắc thủ tục riêng. Phán quyết của trọng tài sẽ bao gồm hướng dẫn về việc phân chia chi phí, phụ phí và các khoản phí khác liên quan đến việc trọng tài (bao gồm cả lệ phí trọng tài).
- 9.1.7. Phán quyết của trọng tài sẽ là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực ràng buộc đối với cả hai bên.
- 9.1.8. Các Bên phải có những nỗ lực hợp lý để đảm bảo rằng phán quyết của các trọng tài sẽ được đưa ra trong vòng ba tháng kể từ ngày chỉ định trọng tài hoặc kể từ ngày chỉ định trọng tài thứ ba trong trường hợp thành lập hội đồng trọng tài.
- 9.1.9. Thủ tục trọng tài này sẽ không ảnh hưởng đến quyền của các Bên theo Hợp đồng về việc có thể huỷ bỏ thủ tục trọng tài tại bất kỳ thời gian nào trước khi có phán quyết của trọng tài và có thể tìm cách giải quyết khác.

ĐIỀU 10 LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ VÀ ĐÓNG DẤU

- 10.1.** Mỗi Bên sẽ phải trả tất cả các khoản thuế đăng ký hoặc thuế trước bạ (bao gồm cả phí đóng dấu) hoặc các khoản phí tương tự phát sinh liên quan đến Hợp đồng này mà các Bên phải trả theo luật của quốc gia mà Bên đó đặt trụ sở giao dịch chính thức.
- 10.2.** Tất cả các khoản thuế đăng ký hoặc thuế trước bạ (bao gồm cả phí đóng dấu) hoặc các khoản phí tương ứng phát sinh từ Hợp đồng này mà các Bên phải trả theo luật của quốc gia là địa điểm được quy định trong (các) Phụ lục B, nhưng không phải là quốc gia mà các Bên đặt trụ sở chính thức, sẽ được chia đều cho các Bên.

ĐIỀU 11 THỜI HẠN HIỆU LỰC, SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 11.1.** Hợp đồng này sẽ có hiệu lực áp dụng đối với tất cả các địa điểm được quy định trong Phụ lục B tương ứng và sẽ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi các Bên chấm dứt Hợp đồng theo các quy định trong Điều khoản 11 này. Hợp đồng này sẽ thay thế cho tất cả các thoả thuận trước đây giữa các Bên về việc cung ứng các Dịch vụ tại các địa điểm được quy định trong Phụ lục B có hiệu lực của Hợp đồng.
- 11.2.** Các sửa đổi, bổ sung đối với Hợp đồng này sẽ được ghi chép trong (các) Phụ lục B. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các quy định từ Điều 1 đến Điều 13 của Hợp đồng và các quy định trong Phụ lục B, các quy định trong Phụ lục B sẽ được áp dụng. Hợp đồng này thể hiện sự nhất trí hoàn toàn và sự hiểu biết giữa các Bên liên quan đến việc cung ứng các Dịch vụ. Tất cả các thay thế, sửa đổi và bổ sung đối với Hợp đồng (kể cả (các) phụ lục A) sẽ không có hiệu lực và không có sức ràng buộc đối với các Bên trừ khi các thay thế, sửa đổi và bổ sung này được ghi nhận lại tại hoặc đính kèm với Phụ lục B và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của các Bên. Các Bên phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia ít nhất là sáu mươi (60) ngày trước khi có các thay thế, sửa đổi và bổ sung trên.
- 11.3.** Hợp đồng chính có thể bị huỷ toàn bộ hoặc trong một phạm vi chừng mực liên quan đến một địa điểm cụ thể bởi một trong hai bên bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia ít nhất là chín mươi (90) ngày trước đó, trừ trường hợp được quy định tại Điều khoản phụ 11.4.
- 11.4.** Tại mọi thời điểm, Hãng hàng không có thể ngay lập tức đơn phương chấm dứt một phần hay toàn bộ Hợp đồng và thông báo bằng văn bản cho Công ty cung ứng suất ăn trong các trường hợp sau:
- (a) Công ty cung ứng suất ăn không thể cung cấp các Dịch vụ đáp ứng được yêu cầu của Hãng hàng không và mà việc này đã được Hãng hàng không thông báo bằng văn bản cho Công ty cung ứng suất ăn tuy nhiên trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có thông báo đó, Công ty cung ứng suất ăn vẫn không cung cấp Dịch vụ theo đúng yêu cầu của Hãng hàng không.
 - (b) Công ty cung ứng suất ăn đã vi phạm hoặc sơ suất trong việc tuân thủ theo bất cứ tiêu chuẩn nào được quy định trong Điều 5 của Hợp đồng này. Việc Công ty cung ứng suất ăn không tuân thủ theo các đặc điểm, nội dung Dịch vụ của Hãng hàng không về vệ sinh, chất lượng đồ ăn và đồ uống, các tiêu chuẩn và cách bày biện sẽ được coi là vi phạm Hợp đồng.
- 11.5.** Trong trường hợp một phần hay toàn bộ quyền hoặc sự uỷ quyền của Hãng hàng không hoặc của Công ty cung ứng suất ăn cần thiết cho việc thực hiện các dịch vụ vận chuyển hàng không, hoặc cần thiết cho việc thực hiện cung ứng các Dịch vụ đã được quy định trong (các) Phụ lục B, bị thu hồi, trì hoãn hay huỷ bỏ, các Bên có thể chấm dứt hợp đồng hoặc (các) Phụ lục B có liên quan từ ngày sự thu hồi, trì hoãn hoặc huỷ bỏ đó có hiệu lực bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia trong vòng 24 giờ kể từ khi sự thu hồi, trì hoãn hoặc huỷ bỏ đó có hiệu lực.
- 11.6.** Một trong hai Bên có thể chấm dứt Hợp đồng này tại bất kỳ thời điểm nào nếu:
- (a) Bên kia bị bắt buộc hoặc tự nguyện thanh lý để dừng kinh doanh
 - (b) Bên kia bị chuyển giao lại cho các bên thụ hưởng hoặc chủ nợ
 - (c) Bên kia tuyên bố phá sản hoặc bị yêu cầu phải tuyên bố phá sản hoặc phải tái cơ cấu lại hoặc phải tái điều chỉnh lại các khoản nợ; với điều kiện các yêu cầu này đã được phán quyết bởi nhà chức trách có thẩm quyền.
 - (d) nếu Bên kia chỉ định hoặc nộp đơn để làm thủ tục chỉ định người thừa kế, người tin thác hay thanh lý toàn bộ hay phần lớn tài sản của mình.
 - (e) nếu bất kỳ một trường hợp tương tự với các trường hợp trên xảy ra trong bất kỳ trường hợp tổ tụng nào.
- 11.7.** Trong trường hợp chấm dứt toàn bộ hay một phần Hợp đồng mà có thông báo trước hoặc trường hợp khác, việc huỷ bỏ này sẽ không ảnh hưởng đến các quyền và trách nhiệm mà các Bên phải thực hiện trước khi có sự chấm dứt này.
- 11.8.** Công ty cung ứng suất ăn có quyền điều chỉnh một bộ phận giá riêng rẽ (giá chuẩn trước đó đã được quy định trong bảng giá) nếu điều chỉnh này là kết quả của những thay đổi về giá mua sản phẩm của Công ty cung ứng suất ăn với điều kiện là Công ty cung ứng suất

ăn phải thông báo cho Hãng hàng không về các dự định điều chỉnh này ít nhất là ba mươi (30) ngày trước khi các điều chỉnh này được yêu cầu có hiệu lực, đồng thời các thay đổi về giá này không thể dự đoán trước được và xảy ra do các yếu tố ngoài tầm kiểm soát như:

- (a) sự vi phạm hợp đồng của các nhà cung ứng;
- (b) các thay đổi về giá của các nhà cung cấp vượt quá mười phần trăm (10%) và việc tăng giá này của nhà cung cấp buộc Công ty cung ứng suất ăn phải trả thêm chi phí để mua nguyên liệu vượt quá chi phí bảo hiểm tăng giá nguyên liệu (nếu có);
- (c) các nghị định của chính phủ;
- (d) giá nhân công tăng đáng kể do các tranh chấp nghiêm trọng về lao động.

Việc thực thi các thay đổi này phải được sự nhất trí của Hãng hàng không, và Hãng hàng không không được chối từ hoặc trì hoãn sự nhất trí này mà không có lý do hợp lý.

- 11.9.** Ngoài các điều khoản trên, khi có sự thay đổi về lịch bay như đã đề cập trong điều 1.2 và sự thay đổi này có ảnh hưởng đến chi phí cho việc cung ứng các dịch vụ đã được quy định trong Hợp đồng, Một trong hai Bên sẽ có quyền yêu cầu điều chỉnh giá dịch vụ kể từ ngày có sự thay đổi về lịch bay đó. Yêu cầu này phải được đưa ra trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày thay đổi lịch bay và các phí dịch vụ mới này phải được Bên kia nhất trí. Các Bên không được chối từ hoặc trì hoãn sự nhất trí này nếu không có lý do hợp lý.
- 11.10.** Khi Hợp đồng này bị chấm dứt vì bất kỳ lý do nào, Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải trao trả cho Hãng hàng không tất cả tài sản của Hãng hàng không trong điều kiện sạch sẽ.
- 11.11.** Trong trường hợp Hãng hàng không quyết định chấm dứt Hợp đồng và ký Hợp đồng với một Công ty cung ứng suất ăn khác, hoặc Hãng hàng không chấm dứt tất cả các hoạt động khai thác tại sân bay do Công ty cung ứng suất ăn cung ứng Dịch vụ, tất cả trang thiết bị và các tài sản khác của Hãng hàng không sẽ được làm sạch, đóng gói và niêm phong với chi phí do Hãng hàng không chịu.
- 11.12.** Các Bên có thể hoãn lại việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này nếu không thể thực hiện các nghĩa vụ này do các lý do nằm ngoài tầm kiểm soát của Bên đó, bao gồm và không hạn chế ở các tranh chấp về lao động dẫn đến việc trì hoãn hay gián đoạn một phần hay toàn bộ công việc, thiên tai, hoả hoạn, lũ lụt, bão, hỏng điện, hoặc các đạo luật của chính phủ hoặc chính quyền.
- 11.13.** Trong trường hợp xảy ra trì hoãn thực hiện công việc theo điều khoản phụ 11.12, các Bên liên quan sẽ ngay lập tức thông báo cho Bên kia nêu rõ bản chất sự việc và thời gian trì hoãn dự tính.
- 11.14.** Trong trường hợp Công ty cung ứng suất ăn trì hoãn việc cung ứng các Dịch vụ, Hãng hàng không có thể có quyền tùy ý mình chỉ định một Bên thứ ba cung ứng Dịch vụ cho mình cho đến khi Công ty cung ứng suất ăn có thông báo bằng văn bản cho Hãng hàng không về việc có thể tiếp tục thực hiện cung ứng các Dịch vụ theo Hợp đồng này.
- 11.15.** Nếu thời gian trì hoãn thực hiện công việc theo điều khoản phụ 11.12 kéo dài quá sáu mươi (60) ngày, các Bên có thể chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia trong vòng ba mươi (30) ngày.

ĐIỀU 12

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 12.1.** Tất cả các thông báo và thư từ giao dịch khác giữa hai Bên theo Hợp đồng này đều phải được làm bằng văn bản và **sử dụng ngôn ngữ bằng tiếng Việt**. Các thông báo và tài liệu này có thể được giao tận tay hoặc gửi bằng điện tín, fax, thư thường hoặc thư đảm bảo tới các Bên liên quan theo các địa chỉ, các số điện tín hoặc số fax đã được quy định trong (các) Phụ lục B (hoặc các địa chỉ, số điện tín hoặc số fax mà các Bên thông báo cho nhau tại từng thời điểm cụ thể). Các thông báo và tài liệu này được coi là đã nhận được:
 - vào ngày các thông báo và thư từ được giao hoặc bị từ chối nhận trong trường hợp giao tận tay.
 - vào thời điểm gửi điện tín và bên kia có thông báo lại là đã nhận được trong trường hợp gửi bằng điện tín.
 - vào thời điểm gửi fax với điều kiện bên nhận fax thông báo là đã nhận được bản fax trong tình trạng rõ ràng, trong trường hợp gửi bằng fax.

- 7 ngày sau khi gửi trong trường hợp gửi bằng thư thường.
- 14 ngày sau khi gửi trong trường hợp gửi bằng thư đảm bảo.

12.2. Quyền của các Bên theo Hợp đồng sẽ không bị ảnh hưởng hoặc bị hạn chế do có sự nhượng bộ từ phía bên kia, hoặc bởi sự trì hoãn việc thực hiện hay không thể thực hiện các quyền trong Hợp đồng. Việc một Bên được miễn trách một lần khi vi phạm Hợp đồng không có nghĩa là Bên đó sẽ được miễn trách trong các lần vi phạm tiếp theo.

12.3. Công ty cung ứng suất ăn sẽ được coi là một nhà thầu độc lập và sẽ không được coi là một đại lý, đối tác hay đại diện có thẩm quyền của Hãng hàng không.

ĐIỀU 13

LUẬT ĐIỀU CHỈNH

13.1. Cấu trúc, hiệu lực và việc thực hiện Hợp đồng này về mọi phương diện sẽ được điều chỉnh bởi luật được quy định trong (các) phụ lục B.

Ký ngày tháng năm
tại Hà Nội, Việt Nam
bởi người đại diện và được uỷ quyền của
Hãng hàng không

Ký ngày tháng năm
tại Hà Nội, Việt Nam
bởi người đại diện và được uỷ quyền của
Công ty cung ứng suất ăn

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC B_Phần 6

Bản số 1_2024

Phụ lục B_Phần 5, Bản số 1_2023 này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng cung ứng suất ăn có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2013

giữa:

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

có trụ sở chính tại: Số 200, Phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam sau đây gọi là "**Hãng hàng không**"

và:

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

có trụ sở chính tại: Sân bay Quốc tế Nội Bài, Hà Nội, Việt Nam sau đây gọi là "**Công ty cung ứng suất ăn**"

Phụ lục B_Phần 6, Bản số 1_2024 này có hiệu lực thực hiện từ 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hãng hàng không và Công ty cung ứng suất ăn nhất trí ký phụ lục này để thỏa thuận thực đơn/giá suất ăn, đồ uống/đồ cấp rời cho các chuyến bay của Hãng hàng không như trong các phụ kiện đính kèm sau đây:

- Phụ lục B_Phần 6, Bản số 1_2024 này có giá trị thay thế Phụ lục ...
- Phụ lục này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Hãng hàng không giữ 02 bản, Công ty cung ứng suất ăn giữ 02 bản.

Ký ngày ... tháng ... năm 2024
tại Hà Nội, Việt Nam
bởi người đại diện và được uỷ quyền của
Hãng hàng không

Ký ngày ... tháng... năm 2024
tại Hà Nội, Việt Nam
bởi người đại diện và được uỷ quyền của
Công ty Cung ứng suất ăn

Nguyễn Văn Dũng
Tổng giám đốc

Số: 02../TTr-NCS-HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

Hội đồng quản trị Công ty xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán với các nội dung chính như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu : 617.937.568.121 đồng
- Giảm trừ doanh thu : 20.141.974.497 đồng
- Lợi nhuận : 46.183.513.294 đồng

2. Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được lập theo đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện kiểm toán và đã được đăng tải trên Website của Công ty, đồng thời công bố thông tin theo đúng quy định.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu.



Ngô Hồng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 36

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Thành viên
Bà Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Đỗ Thị Minh Lý	Trưởng ban
Ông Vũ Mạnh Phú	Thành viên
Bà Phan Thị Thúy Quyên	Thành viên

Ban Tổng Giám Đốc

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/02/2023
Ông Phạm Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chu Khánh Linh	Kế toán trưởng	

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng: không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Số: 206/2024/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 11 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 36 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 3.1 “Cơ sở lập báo cáo tài chính” đã trình bày: “Tại ngày 31/12/2023, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của công ty là 84,8 tỷ đồng. Chúng tôi đánh giá việc này không ảnh hưởng tới khả năng thanh toán và hoạt động liên tục của Công ty vì những lý do sau:

- Ban Tổng Giám đốc đánh giá tình hình kinh doanh của Công ty tăng trưởng vượt bậc từ năm 2022 sau khi các quy định về giãn cách xã hội do Covid-19 được gỡ bỏ, chỉ tiêu Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tăng 270,1 tỷ đồng năm 2022 và tiếp tục tăng 203,9 tỷ đồng năm 2023. Trong năm 2023, Công ty có kết quả hoạt động kinh doanh lãi 46,1 tỷ đồng (năm 2022 lãi: 5,3 tỷ đồng) và lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh dương 56,6 tỷ đồng (năm 2022 dương: 27,6 tỷ đồng).

- Trong năm 2024, căn cứ vào kế hoạch bay của các hãng hàng không, dự báo tình hình tăng trưởng thị trường hàng không trong nước và Quốc tế; bên cạnh đó, thương hiệu các sản phẩm non-air của Công ty đã được khẳng định. Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với sản lượng, doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng cao hơn so với năm 2023.”

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán đã trình bày.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán khác, với ý kiến chấp nhận toàn phần theo Báo cáo kiểm toán số 01NV2/2023/ASCO/BCKiT ngày 25/02/2023.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Phạm Thị Ngọc Thơ

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5354-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		132.216.624.682	151.493.257.321
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	13.180.617.232	39.771.673.649
Tiền	111		13.180.617.232	39.771.673.649
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	3.500.000.000	30.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.500.000.000	30.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		100.031.325.717	67.219.580.289
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	100.805.283.349	68.569.574.522
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	218.650.855	148.907.715
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.022.876.466	516.583.005
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(2.015.484.953)	(2.015.484.953)
Hàng tồn kho	140		13.659.301.102	12.656.622.752
Hàng tồn kho	141	10	13.659.301.102	12.656.622.752
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.845.380.631	1.845.380.631
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	1.845.380.631	1.845.380.631
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		331.001.760.930	362.120.550.056
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.532.878.800	1.804.930.800
Phải thu dài hạn khác	216	8	1.532.878.800	1.804.930.800
Tài sản cố định	220		327.752.128.593	357.321.816.669
Tài sản cố định hữu hình	221	11	327.752.128.593	357.321.816.669
- Nguyên giá	222		564.976.261.911	566.532.297.096
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(237.224.133.318)	(209.210.480.427)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		4.748.831.818	4.748.831.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.748.831.818)	(4.748.831.818)
Tài sản dài hạn khác	260		1.716.753.537	2.993.802.587
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.716.753.537	2.993.802.587
TỔNG TÀI SẢN	270		463.218.385.612	513.613.807.377

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		335.493.443.805	432.072.378.864
Nợ ngắn hạn	310		216.981.411.002	241.360.346.061
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	61.089.610.500	51.559.180.578
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.253.581	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.203.440.961	1.591.184.116
Phải trả người lao động	314		31.774.485.138	15.524.591.576
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.907.204.911	11.273.068.638
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	308.159.256	26.971.217.355
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	120.156.238.685	133.021.258.610
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		532.017.970	1.419.845.188
Nợ dài hạn	330		118.512.032.803	190.712.032.803
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	118.512.032.803	190.712.032.803
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		127.724.941.807	81.541.428.513
Vốn chủ sở hữu	410	19	127.724.941.807	81.541.428.513
Vốn góp của chủ sở hữu	411		179.490.980.000	179.490.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		179.490.980.000	179.490.980.000
Cổ phiếu quỹ	415		(8.880.000)	(8.880.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(51.757.158.193)	(97.940.671.487)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(97.940.671.487)	(103.244.566.796)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		46.183.513.294	5.303.895.309
TỔNG NGUỒN VỐN	440		463.218.385.612	513.613.807.377

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Chu Khánh Linh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	633.855.855.584	413.427.193.455
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	20.141.974.497	3.662.569.478
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		613.713.881.087	409.764.623.977
Giá vốn hàng bán	11	23	510.394.751.918	353.423.705.131
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.319.129.169	56.340.918.846
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.984.352.409	3.849.285.214
Chi phí tài chính	22	25	24.669.000.541	26.525.681.590
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		24.550.860.451	26.424.111.943
Chi phí bán hàng	25	26	14.879.736.267	10.829.842.139
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	21.803.328.550	17.826.856.996
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		45.951.416.220	5.007.823.335
Thu nhập khác	31	27	239.334.625	297.623.423
Chi phí khác	32		7.237.551	1.551.449
Lợi nhuận khác	40		232.097.074	296.071.974
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.183.513.294	5.303.895.309
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		46.183.513.294	5.303.895.309
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.573	296
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		2.573	296

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Chu Khánh Linh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		46.183.513.294	5.303.895.309
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		29.569.688.076	30.970.896.993
Các khoản dự phòng	03		-	811.800.000
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		50.678.223	70.930.470
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(2.528.668.545)	(3.790.082.646)
Chi phí lãi vay	06		24.550.860.451	26.424.111.943
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		97.826.071.499	59.791.552.069
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.360.556.782)	(35.747.734.974)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.002.678.350)	(3.740.984.503)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		22.044.938.566	45.214.010.225
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.277.049.050	(2.477.095.481)
Tiền lãi vay đã trả	14		(31.187.399.151)	(35.451.027.094)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		56.597.424.832	27.588.720.242
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(285.800.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		45.904.909	45.954.545
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(43.500.000.000)	(54.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		70.000.000.000	84.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.303.626.990	12.140.771.936
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		28.849.531.899	41.900.926.481
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		374.222.432.809	257.528.908.944
Tiền trả nợ gốc vay	34		(459.287.452.734)	(293.876.646.698)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.922.315.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(111.987.334.925)	(36.347.737.754)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(26.540.378.194)	33.141.908.969
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	39.771.673.649	6.700.695.150
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(50.678.223)	(70.930.470)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	13.180.617.232	39.771.673.649

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Chu Khánh Linh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101509403 ngày 07/07/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 22 vào ngày 08/07/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 16/06/2010, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 134/2010/GCNCV-VSD. Theo đó, Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã Chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 16/06/2010.

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài;
- Mã chứng khoán: NCS;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng);
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký: 17.949.098 cổ phiếu (Mười bảy triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn không trăm chín mươi tám cổ phiếu);
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 179.490.980.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngày 12/11/2015, Công ty chính thức giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là NCS theo Quyết định số 749/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tổng số người lao động của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 742 người (tại ngày 31/12/2022 là 702 người).

Trụ sở Công ty tại: Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực chế biến thực phẩm.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến suất ăn phục vụ: Hành khách của hàng không, các chuyến bay chuyên cơ;
- Dịch vụ ăn uống khác: Cung cấp suất ăn và dịch vụ cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không. Cung cấp dịch liên quan đến quá trình sản xuất, cung ứng suất ăn;
- Buôn bán đồ uống: bán buôn đồ uống có cồn và bán buôn đồ uống không có cồn;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp để chế biến suất ăn;
- Sản xuất các loại bánh từ bột.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2022.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2023, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn của công ty là 84,8 tỷ đồng. Chúng tôi đánh giá việc này không ảnh hưởng tới khả năng thanh toán và hoạt động liên tục của Công ty vì những lý do sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****Giả định hoạt động liên tục (tiếp)**

- Ban Tổng giám đốc đánh giá tình hình kinh doanh của Công ty tăng trưởng vượt bậc từ năm 2022 sau khi các quy định về giãn cách xã hội do Covid-19 được gỡ bỏ, chỉ tiêu Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tăng 270,1 tỷ đồng năm 2022 và tiếp tục tăng 203,9 tỷ đồng năm 2023. Trong năm 2023, Công ty có kết quả hoạt động kinh doanh lãi 46,1 tỷ đồng (năm 2022 lãi: 5,3 tỷ đồng) và lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh dương 56,6 tỷ đồng (năm 2022 dương: 27,6 tỷ đồng).
- Trong năm 2024, căn cứ vào kế hoạch bay của các hãng hàng không, dự báo tình hình tăng trưởng thị trường hàng không trong nước và Quốc tế; bên cạnh đó, thương hiệu các sản phẩm non-air của Công ty đã được khẳng định. Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với sản lượng, doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng cao hơn so với năm 2023.

Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được xác định tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn tùy theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

3.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Các tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá mua phần mềm mới không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán vào tài sản cố định vô hình. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao từ 03 đến 05 năm.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu, các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

3.13 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ.

3.14 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ.

3.15 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chăm sóc khách hàng, chế thử, phí nhượng quyền khai thác,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuế môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác.

3.16 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

3.17 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả cho năm hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.19 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU, LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.180.617.232	39.771.673.649
Cộng	13.180.617.232	39.771.673.649

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	3.500.000.000	3.500.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	3.500.000.000	3.500.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000

(i) Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương kỳ hạn 12 tháng lãi suất 5,2%/năm là tài sản thế chấp cho hợp đồng cấp tín dụng số 81/23/CTD/VCBCD-SAHKNB ngày 31/08/2023.

(ii) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất 8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	67.336.224.537	-	33.192.816.807	-
- Emirates	5.949.637.791	-	6.949.364.076	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	4.035.544.558	-	-	-
- Korean Air	2.740.508.881	-	2.243.609.299	-
- Công ty Cổ phần VINSCHOOL	2.015.553.258	-	1.893.376.633	-
- Công ty TNHH Green Biomix	1.949.996.196	-	-	-
- Japan Airlines	1.618.348.740	-	1.039.106.062	-
- Asiana Airlines	1.553.165.470	-	685.258.318	-
- China Airlines Limited	1.251.084.984	-	15.537.100	-
- Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	1.203.684.953	(1.203.684.953)	1.203.684.953	(1.203.684.953)
- Cathay Pacific Airways	1.088.735.763	-	-	-
- Các khách hàng khác	10.062.798.218	-	21.346.821.274	-
Cộng	100.805.283.349	(1.203.684.953)	68.569.574.522	(1.203.684.953)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31	72.925.544.641	-	37.647.809.250	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Thành Công	73.080.609	-	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Phát triển Nhân lực Việt	72.090.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam	28.269.200	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải và Xây dựng Phương Đức	25.495.500	-	-	-
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	19.715.546	-	31.061.000	-
- Ông Nguyễn Quốc Khánh	-	-	18.276.915	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Thương mại Nội Bài	-	-	99.569.800	-
Cộng	218.650.855	-	148.907.715	-

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	1.022.876.466	-	516.583.005	-
- Tạm ứng	534.806.958	-	136.370.675	-
- Lãi tiền gửi dự thu	62.328.767	-	236.712.330	-
- Phải thu khác	425.740.741	-	143.500.000	-
b) Dài hạn	1.532.878.800	(811.800.000)	1.804.930.800	(811.800.000)
- Ông Nguyễn Quốc Khánh	1.143.600.000	(811.800.000)	1.463.000.000	(811.800.000)
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	389.278.800	-	341.930.800	-
Cộng	2.555.755.266	(811.800.000)	2.321.513.805	(811.800.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. NỢ XẤU

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương (*)	1.203.684.953	-	(1.203.684.953)	1.203.684.953	-	(1.203.684.953)
- Ông Nguyễn Quốc Khánh (**)	1.303.600.000	491.800.000	(811.800.000)	1.463.600.000	651.800.000	(811.800.000)
Cộng	2.507.284.953	491.800.000	(2.015.484.953)	2.667.284.953	651.800.000	(2.015.484.953)

(*) Đây là khoản phải thu đã quá hạn trên 5 năm, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá không có khả năng thu hồi và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% các năm trước.

(**) Theo hợp đồng đặt cọc 25/HĐĐC-NCS ngày 15/04/2019 với ông Nguyễn Quốc Khánh về việc thuê mặt bằng, số tiền đặt cọc ban đầu là 1.623.600.000 đồng sẽ được hoàn lại trong vòng 10 năm, mỗi năm thanh toán 160.000.000 VND trước ngày 31/12 hàng năm; Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc công ty, vẫn còn tồn tại các rủi ro trong khoản phải thu của đối tượng trên do thời gian phải thu dài, ảnh hưởng của lạm phát,... nên đã trích lập dự phòng tổn thất với tỷ lệ 50% trên số dư nợ gốc ban đầu khoản phải thu trên.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	11.922.428.680	-	10.344.135.779	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.736.872.422	-	2.312.486.973	-
Cộng	13.659.301.102	-	12.656.622.752	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật, kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc, thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	184.803.727.721	231.512.708.769	107.162.110.135	43.053.750.471	566.532.297.096
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.556.035.185)	-	(1.556.035.185)
31/12/2023	184.803.727.721	231.512.708.769	105.606.074.950	43.053.750.471	564.976.261.911
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2023	(16.545.990.242)	(87.395.707.217)	(72.550.081.392)	(32.718.701.576)	(209.210.480.427)
- Khấu hao trong năm	(3.696.074.556)	(14.938.012.272)	(7.063.440.255)	(3.872.160.993)	(29.569.688.076)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.556.035.185	-	1.556.035.185
31/12/2023	(20.242.064.798)	(102.333.719.489)	(78.057.486.462)	(36.590.862.569)	(237.224.133.318)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	168.257.737.479	144.117.001.552	34.612.028.743	10.335.048.895	357.321.816.669
31/12/2023	164.561.662.923	129.178.989.280	27.548.588.488	6.462.887.902	327.752.128.593

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2023, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn được sử dụng là 65.132.835.729 VND (tại ngày 01/01/2023 là 62.072.881.784 VND).

Tại ngày 31/12/2023, tài sản công ty được thế chấp được trình bày tại Thuyết minh 18 “Vay nợ và thuê tài chính” bao gồm:

- Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của “Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài” và quyền tài sản, lợi ích phát sinh, các khoản bảo hiểm, lợi thế thương mại và các khoản thanh toán phát sinh từ “Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài” đã được thế chấp theo hợp đồng tín dụng số 68/2017/HĐCVĐATL/NHCT1444-NCS ngày 13/06/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh.
- Tài sản: 06 xe nâng suất ăn lên máy bay được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

12. TÀI SẢN VÔ HÌNH

Là các phần mềm, có tổng nguyên giá tại ngày 31/12/2023 là 4.748.831.818 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 4.748.831.818 đồng) đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ	915.843.637	789.536.877
- Sửa chữa thường xuyên, chi phí khác	800.909.900	2.204.265.710
Cộng	1.716.753.537	2.993.802.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty TNHH Thiên Sơn	4.896.740.587	4.896.740.587	3.543.198.206	3.543.198.206
- Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập Khẩu Nhất Lâm	4.196.578.023	4.196.578.023	1.262.632.342	1.262.632.342
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phú Đức	3.364.889.230	3.364.889.230	2.823.401.011	2.823.401.011
- Công ty TNHH Aden Services Việt Nam- CN Hà Nội	2.623.630.424	2.623.630.424	2.134.511.143	2.134.511.143
- Công ty TNHH Thương mại Dương Quang	2.701.549.584	2.701.549.584	2.151.303.650	2.151.303.650
- Công ty TNHH Thương mại & Đầu tư Phát triển Trí Đức	2.566.192.000	2.566.192.000	1.787.534.000	1.787.534.000
- Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu EUFOOD Việt Nam	1.851.949.608	1.851.949.608	1.853.555.836	1.853.555.836
- Công ty Cổ phần Thực phẩm NIPPONHAM Việt Nam	1.809.137.442	1.809.137.442	940.726.553	940.726.553
- Công ty TNHH Thực phẩm Cao cấp	1.712.471.920	1.712.471.920	3.067.167.042	3.067.167.042
- Công ty TNHH Việt Trang	1.653.590.400	1.653.590.400	1.080.162.000	1.080.162.000
- Các nhà cung cấp khác	33.712.881.282	33.712.881.282	30.914.988.795	30.914.988.795
Cộng	61.089.610.500	61.089.610.500	51.559.180.578	51.559.180.578
Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31	516.225.677	516.225.677	204.403.492	204.403.492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	21.370.767.420	21.370.767.420	-
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.046.161.538	19.383.868.802	20.064.861.156	365.169.184
- Thuế thu nhập cá nhân	545.022.578	1.067.513.290	774.264.091	838.271.777
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	925.443.116	925.443.116	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9.357.756	9.357.756	-
	1.591.184.116	42.756.950.384	43.144.693.539	1.203.440.961
	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.845.380.631	-	-	1.845.380.631
	1.845.380.631	-	-	1.845.380.631

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay phải trả	258.261.529	6.799.205.088
- Chi phí phải trả bán trà sữa	1.006.339.101	4.370.019.942
- Các khoản trích trước khác	642.604.281	103.843.608
Cộng	1.907.204.911	11.273.068.638

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	49.667.870	26.926.468.820
- Kinh phí công đoàn	2.217.158	12.748.535
- Bảo hiểm y tế	50.099.422	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	43.934.806	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	162.240.000	32.000.000
Cộng	308.159.256	26.971.217.355



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	133.021.258.610	133.021.258.610	374.222.432.809	387.087.452.734	120.156.238.685	120.156.238.685
Vay ngắn hạn	64.921.258.610	64.921.258.610	332.322.432.809	317.487.452.734	79.756.238.685	79.756.238.685
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (***)	47.591.399.558	47.591.399.558	191.818.567.273	209.638.306.762	29.771.660.069	29.771.660.069
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (***)	17.329.859.052	17.329.859.052	105.512.744.838	107.849.145.972	14.993.457.918	14.993.457.918
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (***)	-	-	34.991.120.698	-	34.991.120.698	34.991.120.698
Vay dài hạn	68.100.000.000	68.100.000.000	41.900.000.000	69.600.000.000	40.400.000.000	40.400.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	68.100.000.000	68.100.000.000	41.900.000.000	69.600.000.000	40.400.000.000	40.400.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (*)	60.600.000.000	60.600.000.000	40.400.000.000	60.600.000.000	40.400.000.000	40.400.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)	7.500.000.000	7.500.000.000	1.500.000.000	9.000.000.000	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	190.712.032.803	190.712.032.803	-	72.200.000.000	118.512.032.803	118.512.032.803
Vay trung hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-	-
Vay dài hạn	189.212.032.803	189.212.032.803	-	70.700.000.000	118.512.032.803	118.512.032.803
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (*)	189.212.032.803	189.212.032.803	-	70.700.000.000	118.512.032.803	118.512.032.803
Cộng	323.733.291.413	323.733.291.413	374.222.432.809	459.287.452.734	238.668.271.488	238.668.271.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VAY NỢ VÀ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(*) Hợp đồng tín dụng số 68/2017/HĐCVDADTL/NHCT144-NCS ngày 13/6/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh và các phụ lục điều chỉnh với hạn mức 330.000.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 120 tháng.

Lãi suất của hợp đồng:

- Lãi suất 7,5%/năm được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Sau 12 tháng lãi suất được áp dụng là lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 1,8%/năm;
- Lãi vay được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ thanh toán lãi đầu tiên là ngày 25/9/2017.

Tài sản thế chấp:

- Máy móc thiết bị hình thành từ dự án đầu tư theo hợp đồng thế chấp số 27/2017-HĐTCMMTB/NHCCT144-NCS ngày 12/6/2017 với giá trị tạm tính 261.640.751.959 VND;
- Quyền tài sản, lợi ích phát sinh, các khoản bảo hiểm, lợi thế thương mại và các khoản thanh toán khác phát sinh từ Dự án đầu tư “Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài – Giai đoạn I” theo hợp đồng thế chấp số 28/2017-HĐTCMMTB/NHCCT144-NCS ngày 12/6/2017 với giá trị tạm tính là 477.349.160.000 VND.

Thời gian ân hạn gốc của khoản vay được xác định là 24 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên.

Trong vòng năm (05) ngày làm việc sau “ngày cuối cùng của Thời gian Ân hạn”, bên cho vay sẽ lập và thông báo lịch trả nợ gốc xác định số dư nợ gốc phải thanh toán từng kỳ. Nợ gốc sẽ được thanh toán trong ba mươi hai (32) kỳ liên tiếp trên cơ sở kỳ hạn 03 tháng vào ngày trùng với ngày thanh toán lãi tương ứng.

(**) Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 01/2019/11885722/HĐTD ngày 28/01/2019 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lâm và các văn bản bổ sung kèm theo với hạn mức vay tối đa 17.000.000.000 VND để đầu tư xe nâng suất ăn lên máy bay có hệ thống bảo quản lạnh. Thời hạn vay 60 tháng. Nợ gốc được thanh toán trong 16 kỳ (03 tháng 1 lần), đến 31/12/2023 đã trả hết nợ gốc vay.

Lãi suất của hợp đồng:

Lãi suất 7,5%/năm trong 12 tháng đầu tiên từ ngày giải ngân, sau đó áp dụng lãi suất tiết kiệm VND dân cư trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 2%, Lãi suất vay được điều chỉnh 06 tháng/lần.

Tài sản thế chấp:

Thế chấp tài sản sau đầu tư gói thầu: “Đầu tư xe nâng suất ăn lên máy bay có hệ thống bảo quản lạnh năm 2018”

(***) Là Hợp đồng hạn mức tín dụng thời hạn hợp đồng 12 tháng; Lãi suất điều chỉnh và quy định tại từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo quy định của hợp đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	179.490.980.000	(8.880.000)	(103.244.566.796)	76.237.533.204
- Lãi trong năm trước	-	-	5.303.895.309	5.303.895.309
31/12/2022	179.490.980.000	(8.880.000)	(97.940.671.487)	81.541.428.513
01/01/2023	179.490.980.000	(8.880.000)	(97.940.671.487)	81.541.428.513
- Lãi trong năm nay	-	-	46.183.513.294	46.183.513.294
31/12/2023	179.490.980.000	(8.880.000)	(51.757.158.193)	127.724.941.807

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tên cổ đông	Theo giấy chứng nhận ĐKKD		Số vốn đã góp			
			31/12/2023		01/01/2023	
	VND	%	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	108.006.070.000	60,17	108.006.070.000	60,17	108.006.070.000	60,17
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	18.002.945.000	10,03	18.001.000.000	10,03	18.001.000.000	10,03
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	3.060.150.000	1,70	3.060.150.000	1,70	3.060.150.000	1,70
Cổ đông khác	50.421.815.000	28,10	50.423.760.000	28,09	50.423.760.000	28,09
Cộng	179.490.980.000	100	179.490.980.000	100	179.490.980.000	100

c. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.970.057	17.970.057
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.949.098	17.949.098
+ Cổ phiếu phổ thông	17.949.098	17.949.098
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	888	888
+ Cổ phiếu phổ thông	888	888
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.948.210	17.948.210
+ Cổ phiếu phổ thông	17.948.210	17.948.210
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
- Dollar Mỹ (USD)	142.155,90	1.119,65

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
a) Doanh thu	633.855.855.584	413.427.193.455
- Doanh thu cung cấp suất ăn	525.008.775.888	339.899.866.540
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	108.585.364.696	73.306.516.078
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và kinh doanh khác	261.715.000	220.810.837
Cộng	633.855.855.584	413.427.193.455
b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31	395.718.363.647	277.697.592.705

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	20.141.974.497	3.662.569.478
+ Chiết khấu thương mại	20.141.974.497	3.662.569.478
Cộng	20.141.974.497	3.662.569.478

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá vốn cung cấp suất ăn	408.356.184.760	281.016.080.903
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	102.038.567.158	72.407.624.228
Cộng	510.394.751.918	353.423.705.131

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng	2.482.763.636	3.744.128.101
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.501.588.773	95.545.477
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	9.611.636
Cộng	3.984.352.409	3.849.285.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí lãi vay	24.550.860.451	26.424.111.943
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.716.560	101.569.647
- Chiết khấu thanh toán	59.745.307	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	50.678.223	-
Cộng	24.669.000.541	26.525.681.590

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	21.803.328.550	17.826.856.996
- Chi phí nhân viên quản lý	12.648.718.133	8.522.012.909
- Chi phí đồ dùng văn phòng	573.159.817	474.051.135
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2.639.980.755	3.406.493.908
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	184.036.377	144.964.753
- Chi phí bằng tiền khác	5.757.433.468	5.279.334.291
b) Các khoản chi phí bán hàng	14.879.736.267	10.829.842.139
- Chi phí chăm sóc khách hàng, chế thử, chào hàng	12.370.016.267	10.508.992.139
- Phí nhượng quyền khai thác	2.509.720.000	320.850.000
Cộng	36.683.064.817	28.656.699.135

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	45.904.909	-
- Các khoản khác	193.429.716	297.623.423
	239.334.625	297.623.423

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	253.533.892.532	166.843.210.417
- Chi phí nhân công	154.085.823.567	105.148.365.485
- Khấu hao tài sản cố định	29.569.688.076	30.963.965.049
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.576.641.518	33.829.837.448
- Dự phòng phải thu khó đòi	-	811.800.000
- Chi phí bằng tiền khác	67.311.771.042	44.483.225.867
	547.077.816.735	382.080.404.266

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.183.513.294	5.303.895.309
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.092.225.755	6.244.027.827
- Các khoản chi phí không được trừ	1.092.225.755	1.087.655.170
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	74.000.066
- Chi phí lãi vay không được trừ ước tính	-	5.082.372.591
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	47.275.739.049	11.547.923.136
Chuyển lỗ	(47.275.739.049)	(11.547.923.136)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Chuyển lỗ

Năm phát sinh	Chuyển lỗ đến năm	Tình trạng kiểm tra thuế	Lỗ tính thuế VND	Chưa sử dụng đến ngày 01/01/2023	Chuyển lỗ trong năm 2023 VND	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2023 VND
2020	2025	Chưa QT	(21.252.183.361)	(9.704.260.225)	9.704.260.225	-
2021	2026	Chưa QT	(51.263.328.132)	(51.263.328.132)	37.571.478.824	(13.691.849.308)
Cộng lỗ tính thuế			(72.515.511.493)	(60.967.588.357)	47.275.739.049	(13.691.849.308)

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu/lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	46.183.513.294	5.303.895.309
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (CP)	17.948.210	17.948.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) (VND/CP)	2.573	296

31. THÔNG TIN KHÁC

31.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

STT	Tên	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Cùng Tập đoàn
3	Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	Cùng Tập đoàn
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
5	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Cùng Tập đoàn
6	Công ty Bay Dịch vụ Hàng không Vasco	Cùng Tập đoàn
7	Công ty Cổ Phần Hàng hóa Nội Bài	Cùng Tập đoàn
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài – Nasco	Cùng Tập đoàn
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	Cùng Tập đoàn
10	Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	Cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

STT	Tên	Mối quan hệ
11	Công ty Cổ phần Sarbe Việt Nam	Cùng Tập đoàn
12	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Cùng Tập đoàn
13	Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific	Cùng Tập đoàn
14	Công ty Cổ phần Cung ứng Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	Cùng Tập đoàn
15	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	Cùng Tập đoàn
16	Trung tâm Bông sen vàng	Cùng Tập đoàn
17	Trung tâm Tin học Viễn thông Hàng không-Aits	Cùng Tập đoàn
18	Trung tâm Mua sắm VNA	Cùng Tập đoàn

31.2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	395.718.363.647	277.697.592.705
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	383.017.280.701	255.317.505.949
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP-Đoàn tiếp viên	8.847.800	372.014.706
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP-Khác	951.895.973	3.380.180.723
- Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	1.885.325.884	6.112.458.582
- Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	435.312.802	251.381.926
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	241.017.982	525.335.699
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	7.132.116.184	3.184.627.252
- Công ty Cổ phần Hàng hóa Nội Bài	859.949.495	961.548.821
- Công ty Bay Dịch vụ Hàng không Vasco	242.586.874	1.082.480.384
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài - Nasco	510.337.958	2.188.389.321
- Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất	-	68.181.818
- Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay Vasco	-	2.904.879.630
- Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	85.925.920	953.818.182
- Công ty Cổ phần Cung ứng Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	48.363.636	133.539.602
- Trung tâm Bông sen vàng	152.410.774	-
- Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	71.969.664	71.250.030
- Trung tâm mua sắm VNA	948.000	-
- Công ty Cổ phần Sarbe Việt Nam	-	190.000.080
- Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không	74.074.000	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.119.967.667	3.535.909.656
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	2.365.942.191	1.717.368.702
- Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	192.791.645	193.641.479
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	687.737.586	675.978.449
- Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	499.233.921	679.533.630
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	374.262.324	269.387.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.3. SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	72.925.544.641	37.647.809.250
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	67.336.224.537	33.192.816.807
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP-Khác	696.873.300	388.508.400
- Công ty Bay Dịch vụ Hàng không	-	69.736.896
- Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	655.154.000	2.346.659.023
- Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific	-	63.638.352
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	23.452.362	243.040.875
- Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay Vaeco	-	425.565.000
- Cty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	98.295.964	242.843.843
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam-CN Nội Bài	4.035.544.558	675.000.054
- Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không	79.999.920	-
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	516.225.677	204.403.492
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	434.553.472	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam-CN Nội Bài	63.336.168	113.774.133
- Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	18.336.037	14.833.001
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	-	75.796.358

31.4. THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch	109.440.000	45.600.000
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Thành viên	92.160.000	38.400.000
Bà Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên	92.160.000	38.400.000
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	897.660.000	777.400.000
Ông Phạm Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc	556.700.000	-
Ông Võ Đức Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm 31/10/2022)	-	620.566.667
Ông Chu Khánh Linh	Kế toán trưởng	616.837.500	378.000.000
Ban Kiểm soát			
Bà Đỗ Thị Minh Lý	Trưởng ban	322.800.000	252.000.000
Ông Vũ Mạnh Phú	Thành viên	77.760.000	32.400.000
Bà Phan Thị Thúy Quyên	Thành viên	677.124.585	532.057.649
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Thành viên (Miễn nhiệm 15/06/2022)	-	16.200.000
		3.442.642.085	2.731.024.316

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.5. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

31.6. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không tại Sân bay Quốc tế Nội Bài. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số 21 và 23 phần thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty bán hàng trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của công ty.

31.7. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023.

31.8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Chu Khánh Linh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

Số: 03/TTr-NCS-HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v chi trả tiền lương, thù lao năm 2023 và phương án
chi trả năm 2024 cho HĐQT, BKS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về việc chi trả tiền lương, thù lao năm 2023 và phương án chi trả lương, thù lao năm 2024 cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

1. Chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2023:

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-NCS-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông và kết quả SXKD thực tế, Công ty xác định thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương cho Trưởng Ban Kiểm soát như sau:

a) Thù lao của HĐQT, BKS:

❖ *Thù lao KH2023 của HĐQT, BKS xác định theo Nghị quyết số 01/NQ-NCS-ĐHĐCĐ*: 451.200.000 đồng, trong đó:

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 7,6 triệu đồng/tháng
- Thù lao của Thành viên HĐQT: 6,4 triệu đồng/tháng
- Thù lao của Kiểm soát viên: 5,4 triệu đồng/tháng

❖ *Thù lao TH2023 của HĐQT, BKS tăng thêm theo kết quả SXKD năm 2023*: Công ty thay đổi quản lý lao động tiền lương từ Nghị định 20/2020/NĐ-CP sang Nghị định 53/2016/NĐ-CP và theo hiệu quả SXKD năm 2023, tổng thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 là 541.440.000 đồng, cụ thể:

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 9,12 triệu đồng/tháng
- Thù lao của Thành viên HĐQT: 7,68 triệu đồng/tháng
- Thù lao của Kiểm soát viên: 6,48 triệu đồng/tháng

b) Tiền lương TH2023 của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách:

❖ *Tiền lương KH2023 xác định theo Nghị quyết số 01/NQ-NCS-ĐHĐCĐ*: 322.800.000 đồng, tương đương với mức 26.900.000 đồng/tháng;

❖ *Công ty thay đổi quản lý lao động tiền lương từ Nghị định 20/2020/NĐ-CP sang Nghị định 53/2016/NĐ-CP và theo hiệu quả SXKD năm 2023*, tiền lương thực hiện của Trưởng ban kiểm soát năm 2023 là: 630.331.000 đồng, tương đương mức 52.528.000 đồng/tháng.

2. Phương án chi trả lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2024:

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 12,0 triệu đồng/tháng

- Thù lao của Thành viên HĐQT: 9,6 triệu đồng/tháng
- Thù lao của Kiểm soát viên: 7,2 triệu đồng/tháng
- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát: 46,3 triệu đồng/tháng

Tổng mức thù lao chi trả cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát năm 2024 dự kiến là 1.218.000.000 đồng.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chi trả tiền lương thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Hồng Minh

Số: 01/BC-BKS/NCS

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
V/v: Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền của Ban kiểm soát, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài- NCS xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả thực hiện nhiệm vụ từ tháng 6/2023 đến tháng 4/2024 như sau:

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Đỗ Thị Minh Lý	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 25/4/2019)	0%
2	Vũ Mạnh Phú	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/4/2019)	0%
3	Phan Thị Thúy Quyên	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/6/2022)	0%

2. Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát trong kỳ

Trong kỳ, Ban kiểm soát (BKS) đã thực hiện 04 phiên họp. Các nội dung hoạt động của BKS gồm:

- Thực hiện giám sát HĐQT và Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty; Việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023 và Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Giám sát việc chấp hành các quy định của nhà nước, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, của người lao động và của Cổ đông; Giám sát việc triển khai thực hiện khuyến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và Ban kiểm soát.

- Kiểm tra tính hợp pháp, tính hệ thống, nhất quán và hợp lý trong tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động SXKD, báo cáo tài chính (BCTC) bán niên đã được soát xét và BCTC 2023 đã được kiểm toán, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT trình lên ĐHĐCĐ thường niên 2024.



- Giám sát việc thực hiện kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư trong năm 2023.
- Phối hợp với Công ty thực hiện các thủ tục lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023-2024.
- BKS/đại diện BKS đã tham gia đầy đủ các phiên họp theo hình thức họp nghị sự của HĐQT Công ty được tổ chức trong kỳ.

3. Kết quả công tác kiểm tra, giám sát

3.1. Giám sát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, công tác quản lý của HĐQT và Ban điều hành Công ty

- HĐQT hoạt động và tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty trong việc quản lý Công ty cũng như ban hành các Nghị quyết để quản lý, chỉ đạo các hoạt động của Công ty. Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp phù hợp với quy định, ban hành theo đúng thẩm quyền để chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty (21 Nghị quyết và 19 Quyết định).

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023;

- Công ty đã tổ chức triển khai bố trí sử dụng LĐ và các nguồn lực khác theo diễn biến tình hình hoạt động SXKD nhằm tiết kiệm chi phí, và tình hình giá cả NVL biến động khó lường;

- Ban điều hành Công ty tuân thủ chế độ báo cáo đảm bảo cung cấp thông tin để các cổ đông và cơ quan thẩm quyền của nhà nước kịp thời nắm bắt được tình hình hoạt động của Công ty.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong việc xử lý các kiến nghị của Ban điều hành, đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định của Công ty.

- Ban điều hành Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty trong công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

3.2. Tình hình hoạt động SXKD

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH 2023	TH 2023	TH/KH (%)
1	Suất ăn	Suất	10.249.655	10.420.646	102%
2	Chuyến bay	Chuyến	39.204	38.485	98%
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	605.389	617.939	102%
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	569.896	571.755	100%
5	Lợi nhuận	Triệu đồng	35.493	46.184	130%
6	Quỹ lương	Triệu đồng	120.401	131.132	109%

Những khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động SXKD trong năm 2023:

- Năm 2023 là năm thị trường vận tải hàng không đã có sự phục hồi và đón nhận những tín hiệu tăng trưởng tích cực thể hiện ở các mặt như các hãng hàng không tiếp tục đẩy mạnh hoạt động khai thác, mạng đường bay quốc tế được phục hồi và mở rộng; thị trường hàng không nội địa phục hồi hoàn toàn và tăng trưởng so với năm 2019;

- Mặc dù sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng đánh giá cao, nhưng do nguyên vật liệu đầu vào phải được kiểm soát theo quy trình chặt chẽ, đảm bảo ATVSTP nên giá thành sản phẩm tương đối cao, không đủ cạnh tranh để đưa vào kênh phân phối ở siêu thị. Ngoài ra, khoảng cách từ NCS đến các địa điểm trong nội thành khá xa, chi phí vận chuyển cao nên gặp nhiều khó khăn trong việc giao hàng và phát triển thêm các đại lý;

3.3. Về Báo cáo tài chính năm 2023 và công tác kế toán thống kê

- Công ty chấp hành chế độ tài chính kế toán theo quy định hiện hành của Nhà nước cũng như các quy định quản lý tài chính nội bộ của Công ty.

- Doanh thu và chi phí được kiểm soát chặt chẽ; Công nợ được kiểm tra đối chiếu thường xuyên, trong kỳ không để phát sinh tình trạng công nợ khó đòi, quá hạn. Nhìn chung, Công ty quản lý và bố trí sử dụng nguồn lực hợp lý, duy trì mức vốn lưu động vừa đủ đảm bảo hoạt động SXKD, điều hành linh hoạt dòng tiền đảm bảo khả năng thanh khoản và tăng hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền; Đầu tư TSCĐ đúng nhu cầu, mục đích sử dụng; Quản trị hàng tồn kho hiệu quả, không để phát sinh vật tư, vật liệu hàng hóa mất phẩm chất do bảo quản, định mức tồn kho có xu hướng tốt dần (chỉ số vòng quay hàng tồn kho có xu hướng tăng).

- Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty được lập đầy đủ, kịp thời và đã được kiểm toán, soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY theo đúng quy định.

3.4. Đánh giá tình hình đầu tư:

- Tổng mức đầu tư là 13,46 tỷ đồng, trong đó: đầu tư chuyển tiếp là 0,85 tỷ đồng (04 danh mục trang thiết bị lẻ), đầu tư mới năm 2023 là: 12,61 tỷ đồng (bao gồm đầu tư các trang thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh - gồm 23 danh mục đầu tư trang thiết bị lẻ);

- Kết quả thực hiện: Sau khi được ĐHĐCD thông qua kế hoạch SXKD năm 2023, Công ty chủ động rà soát lại các danh mục đầu tư, chủ động giãn, hoãn và chỉ thực hiện đầu tư đối với các danh mục đầu tư thực sự cần thiết, phục vụ trực tiếp cho nhu cầu SXKD, trong năm 2023 chưa có danh mục đầu tư nào được giải ngân và hoàn thành (đang trong quá trình lựa chọn nhà thầu). Các danh mục đang thực hiện được chuyển tiếp sang năm 2024;

- **Đánh giá:** Công ty tuân thủ quy định quản lý sử dụng tài sản: TSCĐ được đưa vào khai thác sử dụng và trích khấu hao ngay sau khi hoàn thành đầu tư; thực hiện tốt chế độ sử dụng, bảo dưỡng tài sản; không có tài sản hư hỏng, không sử dụng được tồn đọng chờ thanh lý.

3.5. Phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc và Cổ đông

Trong kỳ, mối quan hệ phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông được duy trì tốt. BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty, luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ. Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng luôn tạo điều kiện và phối hợp tốt với BKS trên mọi hoạt động.

4. Kiến nghị

Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát công ty năm 2023;
- Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023;

Trên đây là báo cáo nội dung và kết quả hoạt động của BKS trong thời gian từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đến nay, BKS xin báo cáo với ĐHĐCĐ. Với kết quả hoạt động nêu trên BKS nhận thấy đã nghiêm túc chấp hành các quy định Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và hoàn thành tốt công việc được giao trong năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

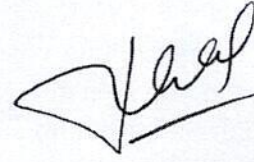
Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ 2024;
- HĐQT Công ty;
- Ban Điều hành;
- Lưu BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Đỗ Thị Minh Lý

Số: .05./TTr-NCS-HĐQT

Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/6/2021;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài được ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-NCS-HĐQT ngày 29/6/2021 của Hội đồng quản trị;

Theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 sẽ xem xét, quyết định về việc bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát do hết nhiệm kỳ. Hội đồng quản trị NCS Công ty báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông:

Năm 2024, Hội đồng quản trị có 02 thành viên hết nhiệm kỳ và 01 thành viên có đơn từ nhiệm. Ban kiểm soát có 02 thành viên hết nhiệm kỳ. Để đảm bảo cơ cấu nhân sự như hiện tại số lượng thành viên HĐQT là 04 thành viên, số lượng thành viên BKS là 03 người theo quy định hiện hành và đảm bảo HĐQT, BKS đủ nhân sự cần thiết hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua :

1.1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu thay thế là 03 (ba) người.

1.2. Số lượng thành viên BKS được bầu thay thế là 02 (hai) người.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG CHỨC
CỔ PHẦN
SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG
NỘI BÀI
Ngô Hồng Minh